

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI VƯỢNG THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Mã SV: 120515

Lớp: QT 1205K

Ngành: Kế toán -

Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....
.....
.....
.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và
 tên:.....
 Học hàm, học
 vị:.....
 Cơ quan công
 tác:.....
 Nội dung hướng
 dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và
 tên:.....
 Học hàm, học
 vị:.....
 Cơ quan công
 tác:.....
 Nội dung hướng
 dẫn:.....

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CH- ONG I MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN VỐN BẢNG TIỀN VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẢNG TIỀN Ở CÁC | 3 |
| doanh nghiệp. | 3 |
| 1.1. Tổng quát về vốn bằng tiền: | 3 |
| 1.1.1 Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền: | 3 |
| 1.1.2. Phân loại vốn bằng tiền. | 3 |
| 1.1.3. Vị trí, vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp..... | 4 |
| 1.1.4. Sự cần thiết của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. | 5 |
| 1.1.5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền..... | 5 |
| 1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền. | 6 |
| 1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền ở các doanh nghiệp..... | 6 |
| 1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ. | 6 |
| 1.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng:..... | 19 |
| 1.2.3. Hạch toán tiền đang chuyển: | 23 |
| CH- ONG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẢNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TH- ONG MẠI V- ỢNG THỊNH | 26 |
| 2.1. Tổng quan về công ty TNHH xây dựng th- ong mại V- ợng Thịnh..... | 26 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển..... | 26 |
| 2.1.2. Loại hình doanh nghiệp..... | 28 |
| 2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm và cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. | 28 |
| 2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh..... | 30 |
| 2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty..... | 32 |
| 2.1.6. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty. | 33 |
| 2.1.7. Những mặt thuận lợi và khó khăn chung của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. | 34 |

| | |
|--|-----------|
| 2.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh..... | 36 |
| 2.2.1. Khái quát vốn bằng tiền ở công ty. | 36 |
| 2.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty..... | 40 |
| Loại chứng từ gốc: Phiếu thu..... | 45 |
| 2.2.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty..... | 57 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VƯỢNG THỊNH..... | 67 |
| 3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh..... | 67 |
| 3.2. Nhận xét về công tác kế toán Vốn Bằng Tiền | 68 |
| 3.2.1. Ưu điểm..... | 69 |
| 3.2.2. Hạn chế:..... | 71 |
| 3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh. | 73 |
| 3.3.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách..... | 79 |
| 3.3.3. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển | 82 |
| 3.3.4. Về hình thức thanh toán | 82 |
| 3.3.5. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt..... | 82 |
| 3.3.6. Phải tuân thủ đúng nguyên tắc bất kiêm nhiệm | 84 |
| 3.3.7. Công tác kế toán nên sử dụng phần mềm kế toán máy..... | 84 |
| KẾT LUẬN | 85 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 86 |

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành phát triển và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp thực hiện quá trình sản xuất, hoàn thành các kế hoạch của doanh nghiệp đề ra. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà có thể mở rộng hợp tác với nhiều nước khác nhau ở trên thế giới theo chính sách mở cửa do đó quy mô, kết cấu vốn bằng tiền sẽ phải lớn lên và phức tạp hơn. Vì vậy việc sử dụng quản lý vốn bằng tiền có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán vốn bằng tiền là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động của doanh nghiệp về thu, chi, tính toán các hiệu quả kinh tế. Thông qua kế toán vốn bằng tiền nhà quản lý có được các số liệu, thông tin đầy đủ chính xác để đưa ra các quyết định phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của vốn bằng tiền như đã nêu ở trên lại được đi thực tập ở công ty TNHH xây dựng thương mại V-ông Thịnh, em đã đi sâu vào nghiên cứu, tìm hiểu nội dung, kết cấu vốn bằng tiền và hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty. Vì vậy, em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo: *“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH xây dựng thương mại V-ông Thịnh”*.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, báo cáo gồm ba chương:

Chương I: Một số vấn đề lý luận cơ bản về vốn bằng tiền và hạch toán kế toán vốn bằng tiền ở các doanh nghiệp.

Chương II: Công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH xây dựng thương mại V-ông Thịnh.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán

vốn bằng tiền tại Công ty TNHH xây dựng thương mại V- ượng Thịnh.

Tuy rất cố gắng nhưng thời gian thực tập eo hẹp, việc nắm bắt kiến thức thực tế chưa được nhiều, trình độ còn có hạn nên không tránh khỏi thiếu sót trong báo cáo. Em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo và các bạn để hoàn thiện bài hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Nguyễn Văn Tĩnh cùng các thầy cô giáo trong tổ kế toán, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo cùng các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH xây dựng thương mại V- ượng Thịnh đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Đến đây em xin trình bày nội dung của khóa luận:

CH- ƠNG I**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN Ở CÁC DOANH NGHIỆP.****1.1. Tổng quát về vốn bằng tiền:****1.1.1 Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền:****a. Khái niệm:**

Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển. Với tính linh hoạt cao nhất - Vốn bằng tiền dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí. Mỗi loại vốn bằng tiền được sử dụng vào mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại, nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích.

b. Đặc điểm:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa đ- ợc sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật t- , hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính thanh khoản và tính luân chuyển cao nên nó là đối t- ợng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà n- ớc. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không đ- ợc v- ợt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng th- ơng mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.1.2. Phân loại vốn bằng tiền.

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp đ- ợc chia thành:

- Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô là Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), franc Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô là Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM)...

- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

- Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Vị trí, vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền có vai trò vô cùng quan trọng. Nó được dùng để hình thành tài sản cố định như: Mua sắm máy móc, trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Hình thành đối tượng lao động như: Mua sắm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Hình thành quỹ lương: Trả lương cho cán bộ công nhân viên...

Như vậy vốn bằng tiền là điều kiện đầu tiên để doanh nghiệp đi vào hoạt động. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng vai trò

rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Ngoài ra vốn bằng tiền còn đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được tiến hành thường xuyên, liên tục. Vốn bằng tiền còn là công cụ phản ánh đánh giá quá trình mua sắm, dự trữ, sản xuất, tiêu thụ của doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền quyết định đến quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường doanh nghiệp hoàn toàn tự chủ trong việc sử dụng vốn nên khi muốn mở rộng quy mô của doanh nghiệp phải huy động một lượng vốn nhất định để đầu tư. Vốn bằng tiền còn giúp cho doanh nghiệp chớp được thời cơ kinh doanh và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

1.1.4. Sự cần thiết của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Như đã trình bày ở trên: Nhờ có vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định đến quy mô hoạt động của doanh nghiệp, từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó doanh nghiệp cần phải quản lý vốn bằng tiền một cách thường xuyên và chặt chẽ.

1.1.5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.

Phải quản lý tốt Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt.

Việc quản lý vốn bằng tiền phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Việc biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng, chi tiêu tiền của doanh nghiệp phải đúng mục đích, đúng chế độ.

Một số phương pháp để thực hiện việc quản lý Vốn bằng tiền gồm:

- Tách biệt nhân viên giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán, những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt.

- Lập bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

- Thực hiện thanh toán bằng Séc, chỉ nên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản lặt vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả Séc.
- Trước khi phát hành 1 tờ Séc để thanh toán phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi.
- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký Séc.

1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Giám đốc th- ờng xuyên tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- H- ớng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, th- ờng xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền ở các doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ.

1.2.1.1. Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc đá quý thực tế nhập quỹ.
- Các khoản tiền, vàng bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị, cá nhân khác ký c- ợc, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán nh- các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của ng- ời nhận, ng- ời giao, ng- ời cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.
- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc,

kim khí quý, đá quý nhận ký c- ợc phải theo dõi riêng trên sổ hoặc trên một phần sổ.

- Thủ quỹ là ng- ời chịu trách nhiệm giữ gìn bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ xuất, nhập tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày thủ quỹ phải th- ờng xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch trên cơ sở báo cáo thừa hoặc thiếu hụt.

1.2.1.2. Kế toán tiền mặt tồn quỹ.

Mỗi doanh nghiệp đều có một l- ượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông th- ờng tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp đ- ợc tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không đ- ợc trực tiếp mua, bán hàng hoá, vật t- , kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

1.2.1.3. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc ng- ời có uỷ quyền) và kế toán tr- ợng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi. Thủ quỹ sau khi nhận đ- ợc phiếu thu - chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu - chi thủ quỹ ký tên đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán.

Ngoài phiếu chi, phiếu thu là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi nh- : Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hoá đơn bán hàng, biên lai thu tiền...

Ta có phiếu thu, phiếu chi và sổ quỹ tiền mặt nh- sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ:..... (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:.....

Ngày... tháng... năm...

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên ng- ời nộp tiền:

Địa chỉ:

Lý do nộp:.....

Số tiền:..... (Viết bằng chữ):

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày... tháng... năm...

| | | | | |
|-----------------|----------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Giám đốc | Kế toán | Ng- ời lập | Ng- ời nộp | Thủ quỹ |
| | tr- ờng | phiếu | tiền | |

Đơn vị:.....

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ:..... (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:.....

Ngày... tháng... năm...

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên ng- ời nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền:..... (Viết bằng chữ):

Kèm theo:

Chứng từ gốc

Ngày... tháng... năm...

| | | | | |
|-----------------|----------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Giám đốc | Kế toán | Ng- ời lập | Ng- ời nộp | Thủ quỹ |
| | tr- ờng | phiếu | tiền | |

Đơn vị:.....

Mẫu số: S07-DN

Địa chỉ:..... (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: TK 111 – Tiền mặt

| Ngày tháng ghi sổ | Ngày tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | Số tiền | | | Ghi chú |
|-------------------|---------------------|------------------|-----|---------------------------------|---------|-----|---------|---------|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn quỹ | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | D- nợ đầu tháng | | | | |
| | | | | Số phát sinh trong tháng | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | Tổng số phát sinh | | | | |
| | | | | Số d- cuối tháng | | | | |

Ngày ... tháng... năm....

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ờng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.

+ Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.

Bên có:

+ Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vàng, bạc hiện còn tồn quỹ.

+ Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.

- D- nợ : Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 1111 “ Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp.

- Tài khoản 1112 “ Tiền ngoại tệ” phản ánh tình hình thu chi, thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 “Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

Cơ sở pháp lý để ghi Nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi Có TK 111 là các phiếu chi.

1.2.1.5. Ph- ong pháp hạch toán tiền mặt.

1.2.1.5.1. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là tiền Việt Nam.

a) Các nghiệp vụ tăng:

Nợ TK 111(1111) : Số tiền nhập quỹ.

Có TK 511: Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, lao vụ dịch vụ.

Có TK 711 : Thu tiền từ hoạt động tài chính.

Có TK 721 : Thu tiền từ hoạt động bất th- ờng.

Có TK 112 : Rút tiền từ ngân hàng.

Có TK 131, 136, 141 : Thu hồi các khoản nợ phải thu.

Có TK 121,128,138, 144, 244: Thu hồi các khoản vốn đầu t- ngắn hạn, các khoản cho vay, ký c- ợc, ký quỹ bằng tiền.

b) Các nghiệp vụ giảm :

Nợ Tk 112 : Tiền gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.

Nợ TK 121, 221 : Mua chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Nợ TK 144, 244 : Thế chấp , ký c- ợc, ký quỹ ngắn, dài hạn.

Nợ TK 211, 213 : Mua tài sản cố định đ- a vào sử dụng.

Nợ Tk 241 : Xuất tiền cho ĐTXDCB tự làm.

Nợ TK 152, 153, 156 : Mua hàng hoá, vật t- nhập kho (theo ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên)

Nợ TK 611 : Mua hàng hoá, vật t- nhập kho (theo kiểm kê định kỳ)

Nợ Tk 311, 315 : Thanh toán tiền vay ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn trả.

Nợ TK 331, 333, 334 : Thanh toán với khách, nộp thuế và khoản khác cho ngân sách, thanh toán l- ơng và các khoản cho CNV.

.....

Có TK 111 (111.1) Số tiền thực xuất quỹ.

1.2.1.5.2. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là ngoại tệ

Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên tài khoản 007 "Nguyên tệ các loại". Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật t- , hàng hoá, tài sản cố định dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà n- ớc Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả đ- ợc ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đ-ợc hạch toán vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh đ-ợc hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

Kết cấu tài khoản 007: Ngoại tệ các loại

Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

D- Nợ : Ngoại tệ hiện có.

Kết cấu tài khoản 413: Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật t-, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật t-, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể đ- Có hoặc đ- Nợ.

D- Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải đ-ợc xử lý.

D- Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413- Chênh lệch tỷ giá, chỉ đ-ợc sử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ đ-ợc quy đổi ra đồng VIỆT NAM theo tỷ giá mua bán thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá bán ra của ngoại tệ đ-ợc hạch

toán vào tài khoản 711- "Thu nhập từ hoạt động tài chính" hoặc TK 811- Chi phí cho hoạt động tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ :

- Các loại tỷ giá :

+ Tỷ giá thực tế: là tỷ giá ngoại tệ đ- ợc xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan nh- giá mua, tỷ giá do ngân hàng công bố.

+ Tỷ giá hạch toán: là tỷ giá ổn định trong một kỳ hạch toán, th- ờng đ- ợc xác định bằng tỷ giá thực tế lúc đầu kỳ.

- Cách xác định tỷ giá thực tế nhập, xuất quỹ nh- sau:

+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do Ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất quỹ có thể tính theo nhiều ph- ơng pháp khác nhau nh- nhập tr- ớc xuất tr- ớc, nhập sau xuất tr- ớc, tỷ giá bình quân, tỷ giá hiện tại

+ Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ đ- ợc tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá của các loại ngoại tệ đã hình thành tài sản đ- ợc tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp)

Trình tự hạch toán:

a) Tr- ờng hợp doanh nghiệp có sử dụng tỷ giá hạch toán:

- Khi mua ngoại tệ thanh toán bằng đồng Việt Nam:

Nợ TK 111(1112) : (ghi theo tỷ giá hạch toán)

Có TK 111(111.1), 331, 311 : (ghi theo tỷ giá thực tế)

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (nếu có)

Đồng thời ghi đơn : Nợ TK 007- l- ợng nguyên tệ mua vào.

- Bán hàng thu ngay tiền bằng ngoại tệ:

Nợ TK 111 (1112) : ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 511: Ghi theo tỷ giá thực tế

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch (nếu có)

Đồng thời ghi : Nợ TK 007: L- ợng nguyên tệ thu vào.

- Thu các khoản nợ của khách hàng bằng ngoại tệ :

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 131

Đồng thời ghi: Nợ Tk 007 : L- ợng nguyên tệ thu vào.

- Bán ngoại tệ thu tiền Việt Nam :

Nợ TK 111 (1111) : Giá bán thực tế

Có TK 111 (1112) : Tỷ giá hạch toán.

Nợ TK 811: Nếu giá bán thực tế nhỏ hơn giá hạch toán,

Có TK 711: Nếu giá bán thực tế lớn hơn giá hạch toán.

Đồng thời ghi: Có TK 007- l- ợng nguyên tệ chi ra.

- Mua vật t- hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ:

Nợ TK 211, 214, 151, 152, 153, 627, 641, 641 : Tỷ giá thực tế

Có TK 111(1112) : Tỷ giá hạch toán

Nợ (Có) TK 41 : Chênh lệch (nếu có)

Đồng thời ghi: Có TK 007 : L- ợng nguyên tệ chi ra.

- Trả nợ nhà cung cấp bằng ngoại tệ:

Nợ TK 331

Có TK 111 (1112)

Đồng thời Có TK 007- l- ợng nguyên tệ chi ra

- Điều chỉnh tỷ giá hạch toán theo tỷ giá thực tế lúc cuối kỳ.

Khi chuẩn bị thực hiện điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê ngoại tệ tại quỹ, gửi Ngân hàng ... đồng thời dựa vào mức chênh lệch tỷ giá ngoại tệ thực tế và hạch toán để xác định mức điều chỉnh.

Nếu tỷ giá thực tế cuối kỳ tăng lên so với tỷ giá hạch toán thì phần chênh lệch do tỷ giá tăng kế toán ghi:

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 413

Nếu tỷ giá thực tế cuối kỳ giảm so với tỷ giá hạch toán thì mức chênh lệch do tỷ giá giảm đ- ợc ghi ng- ợc lại:

Nợ TK 413

Có TK 111 (1112)

- b) Tr- ờng hợp doanh nghiệp không sử dụng tỷ giá hạch toán :
- Mua ngoại tệ trả bằng tiền Việt Nam :
 - Nợ TK 111 (1112) : Giá mua thực tế
 - Có TK 111 (1111) : Giá mua thực tế
 - Đồng thời: Nợ TK 007 : L- ợng nguyên tệ nhập quỹ.
 - Thu tiền bán hàng bằng ngoại tệ :
 - Nợ TK 111 (1112) : Tỷ giá thực tế.
 - Nợ TK 131 : Tỷ giá hạch toán.
 - Có TK 511 : Tỷ giá thực tế.
 - Thu các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ nhập quỹ
 - Nợ TK 111(1112) : Theo tỷ giá thực tế
 - Có TK 131 : Theo tỷ giá bình quân thực tế nợ
 - Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (tỷ giá bình quân thực tế nợ nhỏ hơn tỷ giá bình quân thực tế)

(Nợ TK 413 : Nếu tỷ giá bình quân thực tế nợ lớn hơn tỷ giá bình quân thực tế)
 - Xuất ngoại tệ mua vật t- , hàng hoá, TSCĐ, chi trả các khoản chi phí:
 - Nợ TK 152, 153, 156, 211, 611, 627, 641, 641 .. (Tỷ giá thực tế)
 - Có TK 111 (1112) : Tỷ giá thực tế bình quân.
 - Có TK 413 : (Số chênh lệch tỷ giá thực tế lớn hơn tỷ giá thực tế bình quân)
 - Đồng thời: Có TK 007: L- ợng nguyên tệ xuất quỹ.
 - Xuất ngoại tệ trả nợ cho ng- ời bán:
 - Nợ TK 331 : Tỷ giá nhận nợ
 - Có TK 111 (1112) : Tỷ giá thực tế
 - Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá nhận nợ lớn hơn tỷ giá thực tế.

(Nợ TK 413 : Nếu tỷ giá nhận nợ nhỏ hơn tỷ giá thực tế)
 - Đồng thời : Có TK 007 : L- ợng nguyên tệ đã chi ra.
- Đến cuối năm, quý nếu có biến động lớn hơn về tỷ giá thì phải đánh giá lại số ngoại tệ hiện có tại quỹ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm, cuối quý.

+ Nếu chênh lệch giảm:

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá

Có TK 111 (1112)

+ Nếu chênh lệch tăng:

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá

1.2.1.5.3. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là vàng, bạc, đá quý.

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất đ- ợc hạch toán nh- các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán đ- ợc hạch toán nh- ngoại tệ.

Các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi:

Nợ TK 1113: giá thực tế tăng

Có TK 1111, 1121: Số tiền chi mua thực tế

Có TK 511: doanh thu bán hàng (Thu bằng vàng, bạc,...)

Có TK 138, 144: Thu hồi các khoản cho vay, các khoản thế chấp, ký c- ợc, ký quỹ.

Có TK 411: Nhận góp vốn, cấp phát bằng vàng, bạc,...

Các nghiệp vụ giảm vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi theo bút toán ng- ợc lại.

1.2.1.5.4. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt.

Sơ Đồ Hạch Toán Tổng Hợp Tiền Mặt

| TK 511, 512 | TK 111 | TK112 |
|---|---|-------------------------|
| Doanh thu bán hàng, SP, DV | Gửi tiền mặt vào NH | |
| TK 711, 712 | Mua chứng khoán, góp vốn, liên doanh, đầu t- TSCĐ | TK 121, 128 |
| Thu nhập hoạt động tài chính, hoạt động bất th- ờng | | TK 152, 153 |
| TK 112 | Mua vật t- , hàng hoá, TSCĐ | 156, 611,211 |
| Rút TGNH về nhập quỹ | Các chi phí bằng tiền mặt | TK 142,241, 627,614,642 |
| TK 131, 136, 141 | Trả các khoản nợ phải trả | TK 331,315, 331,333,334 |
| Thu hồi các khoản nợ phải thu | Bổ sung quỹ | TK414,415, 431 |
| TK 121,128 221,222,228 | Thu hồi các khoản đầu t- , ký c- ợc, ký quỹ | |
| TK 144,244 | Xuất tiền đi thế chấp, ký quỹ Ký c- ợc | |
| TK338,344 | Nhận tiền do đơn vị khác ký c- ợc, ký quỹ | |
| TK 338 | Tiền mặt thừa quỹ khi kiểm kê | TK 138 |

1.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác đ- ợc thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số đ- ợc giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt nh- tiền l- u ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, th- tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số d- của từng loại tiền gửi.

1.2.2.1. Chứng từ dùng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng:

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán:

Hạch toán tiền gửi Ngân hàng (TGNH) đ- ợc thực hiện trên tài khoản 112- TGNH. Kết cấu và nội dung của tài khoản này nh- sau:

Bên Nợ: Các khoản tiền gửi vào Ngân hàng.

Bên Có: Các khoản tiền rút ra từ Ngân hàng.

D- nợ: Số tiền hiện còn gửi tại Ngân hàng.

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

+ TK 1121- Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng.

+ TK 1122- Ngoại tệ: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

+ TK 1123- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại Ngân hàng.

1.2.2.3. Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112- TGNH:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. (TK 1383- tài sản thiếu chờ xử lý, TK 3381- Tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều Ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

1.2.2.4. Trình tự hạch toán tiền gửi tại Ngân hàng:**1.2.2.4.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng là đồng Việt Nam.**

Hạch toán tương tự như đối với tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam. Đồng thời cần lưu ý một số nghiệp vụ sau:

- Số lợi tức được hưởng:

Nợ TK 111, 112: Nếu thu tiền ngay

Nợ TK 138: Nếu chưa thu được tiền

Có 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Số chênh lệch số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu của ngân hàng vào cuối tháng ch- a rõ nguyên nhân:

+ Tr- ờng hợp số liệu của ngân hàng lớn hơn trên sổ của doanh nghiệp:

Nợ TK 112: Số tiền chênh lệch

Có TK 3388: Số tiền chênh lệch

Sang tháng sau, khi xác định đ- ợc nguyên nhân sẽ ghi sổ theo từng tr- ờng hợp:

Nợ TK 3388: Số tiền chênh lệch

Có TK 112: nếu ngân hàng ghi nhầm lẫn

Có TK 511: Nếu doanh nghiệp ghi nhầm lẫn

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711: Thu nhập khác

+Tr- ờng hợp số liệu của ngân hàng nhỏ hơn số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp:

Nợ TK 1388: Phải thu khác

Có TK 112: TGNH

Sang tháng sau khi xác định đ- ợc nguyên nhân ghi:

Nợ TK 112: Nếu ngân hàng ghi thiếu

Nợ TK 511, 635, 811: Nếu doanh nghiệp ghi thừa

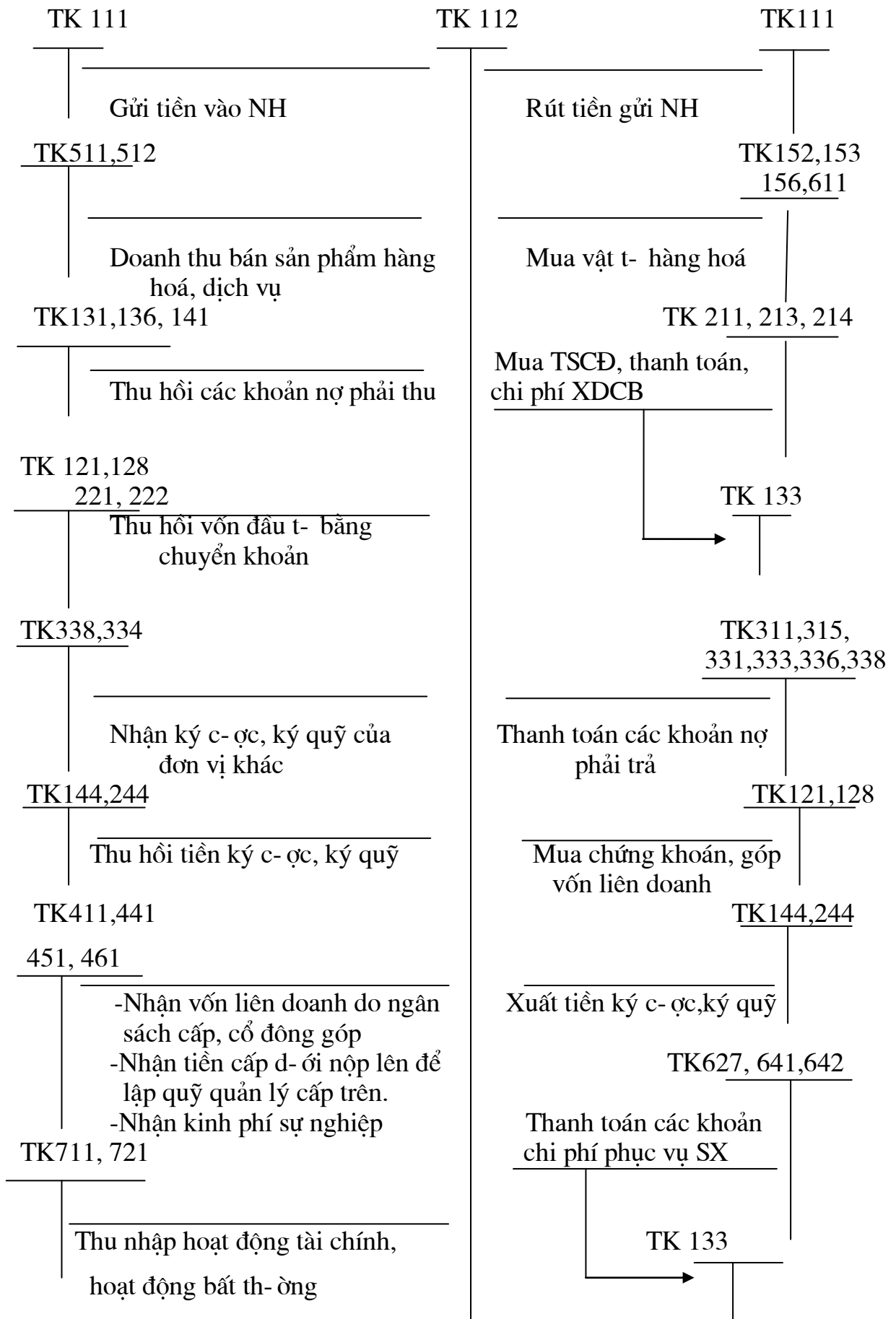
Có TK 1388: Số thừa đã xử lý.

1.2.2.4.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.

Việc thực hiện quy đổi từ ngoại tệ tại Ngân hàng sang đồng Việt Nam đ- ợc thực hiện t- ơng tự nh- ì đồng ngoại tệ tại quỹ cơ quan.

1.2.2.4.3. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng.

Sơ đồ hạch toán



1.2.3. Hạch toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhận được giấy báo có của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các tài khoản sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã ủy quyền cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền....

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113- “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

Bên nợ: Tiền đang chuyển tăng trong kỳ

Bên Có: tiền đang chuyển giảm trong kỳ

D- nợ : Các khoản tiền còn đang chuyển

Tài khoản 113 có hai tài khoản cấp hai:

TK1131- “Tiền Việt Nam”: Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam.

TK 1132-“Ngoại tệ”: Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ.

1.2.3.3. Trình tự hạch toán:

- Thu tiền bán hàng, thu nợ khách hàng bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ) ghi:

Nợ TK 133: Tiền đang chuyển

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 131: Phải thu khách hàng

- Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nh- ng ch- a nhận đ- ợc giấy báo có của ngân hàng (đến cuối tháng):

Nợ TK 133: Tiền đang chuyển

Có TK 111: Tiền mặt

- Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở ngân hàng để trả cho chủ nợ, cuối tháng ch- a nhận đ- ợc giấy báo có của ngân hàng nh- ng ch- a nhận đ- ợc giấy báo Có của nhân hàng.

Nợ TK 113: Tiền đang chuyển

Có TK 112: TGNH

- Khách hàng ứng tr- ớc tiền mua hàng bằng séc, doanh nghiệp đã nộp séc vào ngân hàng nh- ng ch- a nhận đ- ợc giấy báo Có:

Nợ TK 113: Tiền đang chuyển

Có TK 131: Phải thu khách hàng

- Ngân hàng báo tr- ớc các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản của đơn vị:

Nợ TK 112: TGNH

Có TK 113: Tiền đang chuyển

- Ngân hàng báo về số tiền đã chuyển cho ng- ời bán, ng- ời cung cấp dịch vụ, ng- ời cho vay.

Nợ TK 331: Phải trả cho ng- ời bán

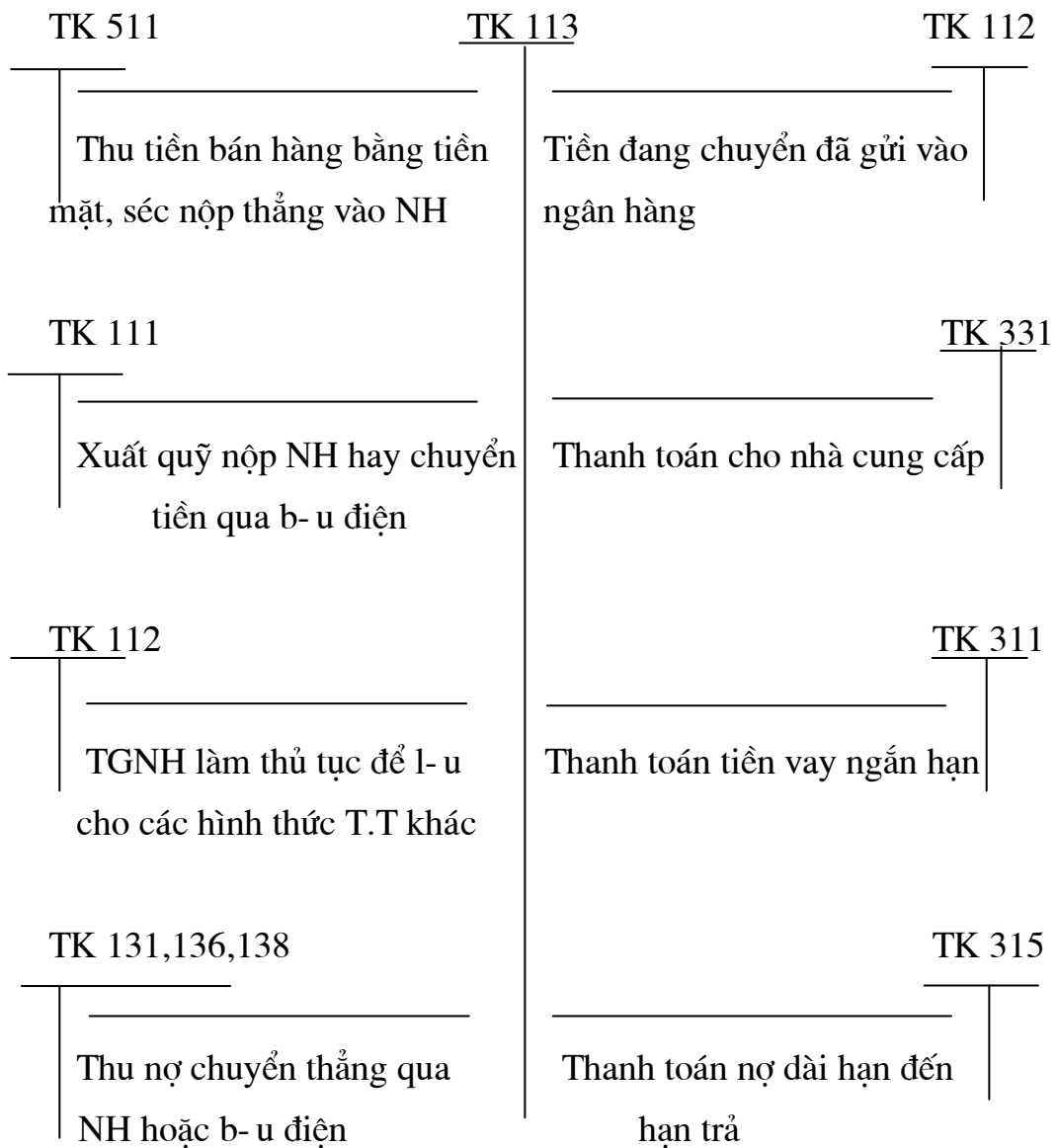
Nợ TK 311: Vay ngắn hạn

Nợ TK 315: Vay dài hạn đến hạn

Có TK 113: Tiền đang chuyển

1.2.3.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền đang chuyển

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



CH- ƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TH- ƠNG MẠI

V- ƠNG THỊNH

2.1. Tổng quan về công ty TNHH xây dựng th- ơng mại V- ơng Thịnh.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

2.1.1.1. Quá trình hình thành.

Công ty TNHH xây dựng th- ơng mại Vượng Thịnh đ- ợc thành lập năm 2009 hoạt động trên lĩnh vực xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm chế tạo công nghiệp và máy móc thiết bị. Ngày nay cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị tr- ờng, sản phẩm của Công ty ngày một phong phú, cải tiến phù hợp với ng- ời tiêu dùng Công ty TNHH xây dựng th- ơng mại Vượng Thịnh với một đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình với công việc, tay nghề cao. Vì thế bây giờ số l- ợng công trình nhận đ- ợc của Công ty ngày càng tăng, sản phẩm vật liệu xây dựng đ- ợc l- u hành rộng rãi trên thị tr- ờng Việt Nam.

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh.

Mã số thuế: 0200875908.

Địa chỉ: Số 76 Trần Tất Văn - Khu Trung Dũng - Thị Trấn An Lão – Huyện An Lão – Thành Phố Hải Phòng.

Vốn góp kinh doanh: 3.900.000.000 đ

Là một doanh nghiệp th- ơng mại có t- cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập và đ- ợc sử dụng con dấu riêng theo quy định của nhà n- ớc.

Từ ngày thành lập đến nay, những thành tựu của Công ty đạt đ- ợc không phải là ít. Sản phẩm của công ty đ- ợc phân phối khắp 3 miền Bắc – Trung - Nam. Qua những thành tựu đạt đ- ợc của Công ty đã nói lên phần nào sự lớn mạnh tr- ờng thành và qua đó tăng đ- ợc uy tín của Công ty TNHH xây dựng th- ơng mại Vượng Thịnh. Sau những năm đầu thành lập còn gặp nhiều khó khăn bỡ ngỡ trong công việc, nh- ng với đ- ờng lối đúng đắn với sự phấn đấu của toàn

bộ công nhân đã thúc đẩy sự phát triển của Công ty ngày càng lớn mạnh, góp phần thúc đẩy đất nước.

2.1.1.2. Quá trình phát triển.

Đánh giá thực trạng tài chính của công ty qua 3 năm 2010 và 2011:

Đơn vị tính: đồng

| Năm / Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 |
|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Doanh thu (1) | 2.850.804.630 | 4.738.156.568 | 1.246.931.763 |
| Chi phí (2) | 2.144.346.000 | 3.468.171.240 | 720.166.163 |
| Lợi nhuận trước thuế(3)=((1)-(2)) | 706.458.630 | 1.269.985.328 | 526.765.600 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%) | 176.614.658 | 317.496.332 | 131.691.400 |
| Lợi nhuận sau thuế | 529.843.972 | 952.488.996 | 395.074.200 |

* **Nhận xét:** Qua bảng kết quả sản xuất kinh doanh trên ta thấy được:

+ Doanh thu tiêu thụ của công ty trong 3 năm 2009, 2010, 2011 có sự tăng, giảm không đồng đều. Cụ thể như sau, năm 2009 doanh thu đạt 2.850.804.630đ, năm 2010 doanh thu đạt 4.738.156.568đ. Như vậy, doanh thu tăng thêm 1.887.351.930đ. Nhưng đến năm 2011 doanh thu chỉ đạt 1.246.931.763đ, tức là đã giảm đi 3.491.224.805đ. Nhưng so với các công ty cùng ngành thì công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh có doanh thu cao. Mức tăng doanh thu do nhu cầu thị trường tăng, đây chuyên nghiên mà công ty sản xuất ra đều đảm bảo chất lượng, bên cạnh đó công ty duy trì được mối quan hệ với bạn hàng cũ, tạo được niềm tin đối với khách hàng mới.

+ Lợi nhuận của công ty năm 2010 là 952.488.996đ, tăng mạnh so với năm 2009(529.843.972đ) do công ty đã có kinh nghiệm hơn trong việc quản lý, điều hành và sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm và hợp lý công ty đã giảm

thiếu được chi phí, doanh thu tăng từ đó làm cho lợi nhuận cũng tăng. Nhưng đến năm 2011 lợi nhuận chỉ đạt 395.074.200đ, tức là đã giảm đi 557.414.796đ. Nguyên nhân là do năm 2011 công ty không tiêu thụ được hàng, lượng hàng tồn kho quá lớn.

2.1.2. Loại hình doanh nghiệp.

Trước kia Công ty TNHH xây dựng thương mại V-ong Thịnh chuyên sản xuất máy xay đá với công suất nhỏ, sửa chữa các mặt hàng cơ khí thủy bộ. Còn những năm gần đây công ty đã chuyển sang kinh doanh sản xuất và chế tạo các dây chuyền nghiền quặng, than, đá... như: máy cấp liệu rung, máy kẹp hàm, máy nghiền búa, máy nghiền côn, máy sàng phân loại và băng tải với công suất lớn để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài.

Hiện nay công ty mới đầu tư và mở rộng thêm nhà máy cán gang thép với các thiết bị, máy móc nhập ngoại, công nghệ tiên tiến, đã đưa vào hoạt động với mục đích tái sử dụng những vật liệu thừa trong quá trình gia công và chế tạo. Kết quả thu được là các sản phẩm như: thép thông thường, thép chống mài mòn, thép không gỉ, thép làm lò xo, thép hợp kim đặc biệt, gang chịu mài mòn, chịu va đập...

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm và cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.3.1. Chức năng và nhiệm vụ.

- Chức năng của công ty:

Công ty TNHH xây dựng thương mại V-ong Thịnh đơn vị kinh doanh hạch toán độc lập, có chức năng chế tạo ra những sản phẩm cơ khí phục vụ cho nhu cầu phát triển của ngành, của nền kinh tế quốc dân, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cụ thể: Công ty chuyên cung cấp cho thị trường những sản phẩm chế tạo công nghiệp như: dây chuyền; chế tạo máy móc các loại; gia công cơ khí...

- Nhiệm vụ của công ty:

- Công ty đưa ra phương hướng sản xuất, xây dựng, thực hiện kế hoạch sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường về các sản phẩm chế tạo cơ khí công nghiệp nặng.

- Để đảm bảo thương hiệu sản phẩm có mặt trên thị trường, công ty không ngừng đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho người công nhân nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công ty chủ động tìm kiếm thị trường, mở rộng quan hệ với bạn hàng trong và ngoài nước.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh công ty luôn phải đảm bảo an toàn cho người lao động, bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động trong công ty.

- Vì công ty hoạt động độc lập không có vốn góp của Nhà nước nên vấn đề huy động vốn là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo hoạt động sản xuất của công ty được liên tục.

Qua những chức năng và nhiệm vụ trên ta cũng thấy được Công ty đã có một chính sách rất đúng đắn cho sự phát triển lâu dài và ngày càng lớn mạnh của Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh.

2.1.3.2. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.

Trước kia Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh chuyên sản xuất máy xay đá với công suất nhỏ, sửa chữa các mặt hàng cơ khí thủy bộ. Còn những năm gần đây công ty đã chuyển sang kinh doanh sản xuất và chế tạo các dây chuyền nghiền quặng, than, đá... như máy cấp liệu rung, máy kẹp hàm, máy nghiền búa, máy nghiền côn, máy sàng phân loại và băng tải với công suất lớn để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và nước ngoài.

Hiện nay công ty mới đầu tư và mở rộng thêm nhà máy cán gang thép với các thiết bị, máy móc nhập ngoại, công nghệ tiên tiến, đã được đưa vào hoạt động với mục đích tái sử dụng những vật liệu thừa trong quá trình gia công và chế tạo. Kết quả thu được là các sản phẩm như thép thông thường, thép chống mài mòn, thép không gỉ, thép làm lò xo, thép hợp kim đặc biệt, gang chịu mài mòn, chịu va đập...

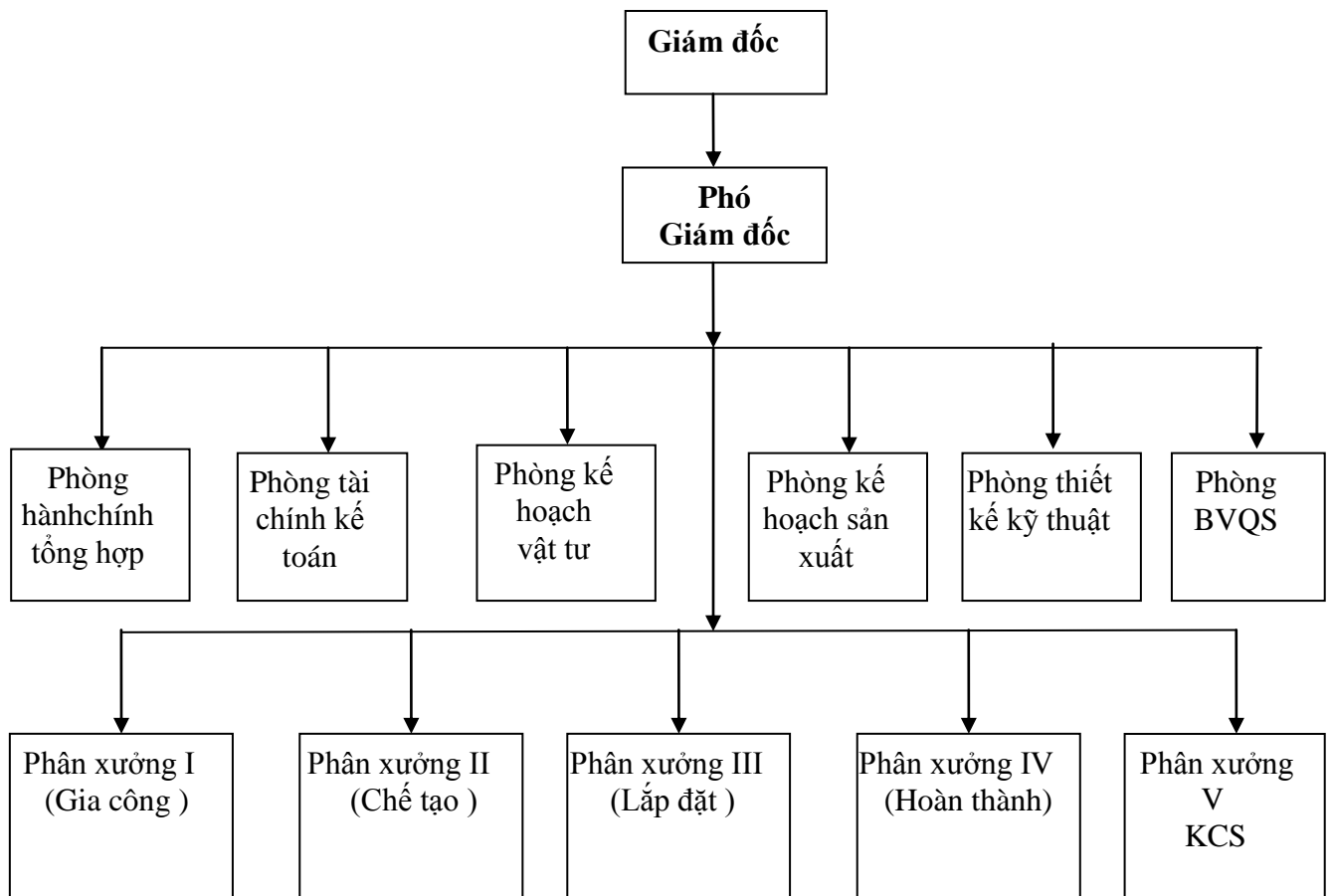
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh.

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy.

Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với quy mô kinh doanh trung bình của công ty, bằng mô hình này ta có thể thấy các mệnh lệnh nhiệm vụ và thông báo tổng hợp cũng đ- ợc truyền từ lãnh đạo của công ty đến cấp cuối cùng một cách dễ dàng.

Sơ đồ 1.1: Mô hình tổ chức của công ty TNHH xây dựng thương mại V- ợng Thịnh:

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức của công ty.



2.1.4.2. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận.

- Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất trong công ty có quyền quyết định việc điều hành hoạt động của công ty theo đúng kế hoạch chính sách của Nhà nước và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty.

- Phó Giám đốc: Là người giúp việc cho Giám đốc tham gia quản lý các phòng ban trong công ty.

- Phòng hành chính tổng hợp: Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, quý, tháng và lịch làm việc hàng tuần của công ty, tuyển dụng, lựa chọn nguồn nhân lực phù hợp, phụ trách tiền lương. Tham mưu tổng hợp trợ giúp cấp trên mình điều hành sản xuất kinh doanh, đối nội, đối ngoại... quản lý nhà xưởng, đất đai, văn thư, lưu trữ, thi đua khen thưởng, quản lý cung cấp trang thiết bị văn phòng, tổ chức thực hiện các chế độ cho người lao động.

- Phòng kế hoạch vật tư: Có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp kịp thời nhu cầu vật tư cho sản xuất kinh doanh cụ thể như tính toán vật tư tồn kho, cung ứng các vật tư, quản lý kho vật tư, cấp phát vật tư, thiết bị phụ tùng phục vụ cho việc sản xuất.

- Phòng kiểm tra chất lượng KCS: Có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ.

- Phòng thiết kế kỹ thuật: Có nhiệm vụ phục vụ công tác kỹ thuật, thiết kế, đưa ra các bản vẽ và các thông số kỹ thuật phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.

- Phòng bảo vệ quân sự: Nhiệm vụ bảo vệ tài sản của công ty, đảm bảo trật tự an ninh trong công ty.

- Phân xưởng I (Gia công): Có nhiệm vụ chế tạo các bán thành phẩm đầu tiên cho quá trình sản xuất như phôi cấp liệu, sàng rung...phân xưởng còn có bộ phận chuyên sửa chữa máy móc thiết bị.

- Phân xưởng II (chế tạo): Nhiệm vụ chế tạo ra những chi tiết phụ tùng phục vụ cho việc lắp ráp như trục, đai ốc, bánh đà, con lăn...được sử dụng các

dụng cụ đo lường như thước kẹp, đồng hồ so, panme với độ chính xác cao.

- Phân xưởng III (Lắp ráp): Nhiệm vụ sử dụng các chi tiết của các phân xưởng gia công và chế tạo để lắp ráp thành một cỗ máy hoàn chỉnh cụ thể lắp ráp vỏ máy, trục, vòng bi, bánh đà, động cơ, bulong. Khi lắp xong cỗ máy được đưa vào chạy thử không tải và có tải trong khoảng thời gian tám giờ. Tất cả đã được đảm bảo kỹ thuật công suất theo đúng thiết kế.

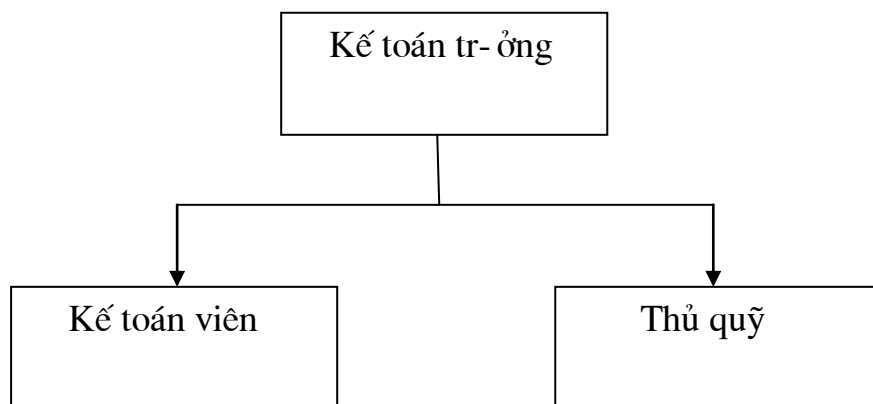
- Phân xưởng IV (hoàn thành): Nhiệm vụ sau khi cỗ máy đã được lắp ráp hoàn chỉnh, đưa ra vệ sinh phun cát đánh gi , sơn màu gắn logo của công ty và đóng kiện.

Phân xưởng V (Kiểm tra chất lượng): Sau khi sản phẩm đã hoàn thành xong được chuyển lên phân xưởng kiểm tra chất lượng để kiểm tra về kỹ thuật, về công suất và chất lượng sản phẩm để bàn giao cho các đơn vị đặt mua.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty.

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động, bộ máy kế toán của Công ty đ- ợc tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán đ- ợc tiến hành tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi đ- ợc thu thập từ các phòng, kiểm tra, xử lý và gửi về, phòng kế toán sẽ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán tại đơn vị.

Sơ đồ 1.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH xây dựng th- ong mại V- ợng Thịnh.



*** Chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:**

-Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các kế toán viên lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

-Kế toán viên: theo dõi, quản lý các phần hành kế toán còn lại của công ty.

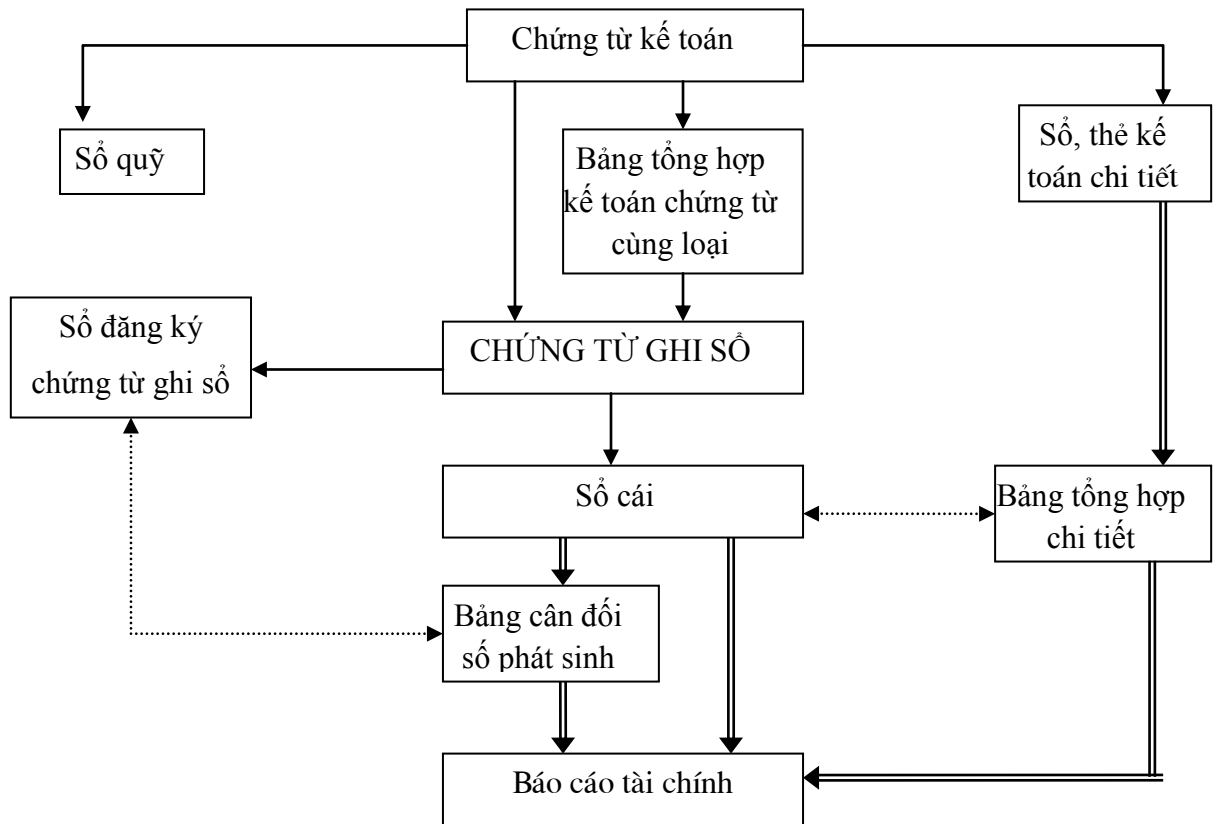
-Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

2.1.6. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty TNHH xây dựng thương mại V- ượng Thịnh áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/ 01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán là đồng Việt Nam. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Với những đặc điểm kế toán nói trên và để đáp ứng công tác quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán **CHỨNG TỪ GHI SỔ**.

Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH xây dựng thương mại V- ụng Thịnh.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

2.1.7. Những mặt thuận lợi và khó khăn chung của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

2.1.7.1. Những thuận lợi.

- Điều kiện vị trí địa lý: Công ty nằm trên trục đ- ờng chính của huyện An Lão nối huyện với các huyện và tỉnh khác. Đây là một lợi thế quan trọng cho công ty tạo điều kiện cho việc trao đổi buôn bán, giao l- u làm ăn dễ dàng hơn, đầy đủ ph- ơng tiện thuận lợi để vận chuyển hàng hóa.

- Bằng sự cố gắng, đồng tâm hợp sức của toàn bộ ban lãnh đạo cũng như đội ngũ công nhân trong công ty đã làm việc hết mình để hoàn thành tốt mục tiêu của công ty đã đề ra trong mỗi kỳ kinh doanh.
- Cơ cấu tổ chức những năm gần đây đã có sự thay đổi đáng kể và dần được hoàn thiện hơn để phù hợp với nền kinh tế thị trường cùng với sự phát triển của đất nước.
- Hiện nay công ty đã tạo cho mình thế đứng trên thị trường và là một công ty có hoạt động tương đối tốt về doanh thu và thu nhập.
- Bộ máy lãnh đạo và các phòng ban trong công ty ngày càng phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, ý thức kỷ luật, đặc biệt tinh thần tự giác ngày càng cao. Công ty đã phát huy được sự hợp tác giữa cá nhân trong công việc, giữa cấp trên với cấp dưới nên hiệu quả công việc ngày càng cao.
- Ban lãnh đạo có chủ trương, đường lối điều hành công ty một cách hợp lý, thúc đẩy nhân viên nhiệt tình trong công việc để thu được lợi nhuận cao nhất cho công ty.
- Nhìn chung cán bộ nhân viên trong công ty đều một lòng trung thành, cố gắng nhiều trong công việc vì tính ổn định bền vững, vì sự phát triển của công ty.

2.1.7.2. Những khó khăn.

Đối thủ cạnh tranh: Trong bất kể một ngành nghề nào thì cũng đều có đối thủ cạnh tranh cùng ngành có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty TNHH xây dựng thương mại Việt Thịnh cũng có nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành như: Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hải Nguyên, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đức Hiếu, Công ty TNHH thương mại Việt Nam,...

- Công tác quản lý đội ngũ về thiết kế, kỹ thuật chưa triệt để, chưa sử dụng hết khả năng sáng tạo của họ, dẫn đến tình trạng trì trệ trong sản xuất.
- Còn một số cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn chưa cao, chất lượng làm việc chưa đáp ứng được nhu cầu công việc của công ty.
- Tác phong công nghiệp của mỗi công nhân trong mỗi đơn vị sản xuất chưa cao, ý thức bảo vệ máy móc, vệ sinh môi trường làm việc còn thấp.
- Các phòng ban chức năng chưa đi sâu vào phân tích công việc, việc phân tích, nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc nhìn nhận khách quan bên ngoài và ý kiến

chủ quan của ng-ời phân tích.

- Do công ty chỉ dán thông báo tuyển dụng nhân sự, thông báo trong nội bộ công ty nên có sự hạn chế về việc tìm đ-ợc những ng-ời có năng lực và trình độ cao. Trong công tác tuyển dụng nhân sự, công ty vẫn ch-a thực hiện đầy đủ các b-ớc mà công tác tuyển dụng cần có làm chất l-ợng tuyển dụng không cao, ảnh h-ởng đến hiệu quả công việc.

- Trong thời đại ngày nay đào tạo cán bộ nhân viên là rất cần thiết nh-ng công ty thực hiện vẫn ch-a đ-ợc tốt lắm thể hiện qua việc chi phí bỏ ra để đào tạo nhân viên vẫn ch-a phát huy đ-ợc hiệu quả, nhân viên chỉ bổ sung kiến thức, kinh nghiệm trong công việc chứ không đ-ợc đào tạo cơ bản, tỉ mỉ.

2.1.7.3. Đánh giá chung.

Trong thực tế công ty TNHH xây dựng th-ơng mại V-ợng Thịnh đã phát huy được những thuận lợi và khắc phục khó khăn để thực hiện được các mục tiêu đề ra. Công ty xác định nhiệm vụ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khẳng định chỗ đứng trên thị trường, đồng thời mở rộng thị trường sang các nước có nhu cầu về sản phẩm. Không ngừng cải tiến công nghệ, cải tiến quản lý, tăng năng suất, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận.

2.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH xây dựng th-ơng mại V-ợng Thịnh.

2.2.1. Khái quát vốn bằng tiền ở công ty.

Hàng ngày, tại công ty TNHH xây dựng th-ơng mại V-ợng Thịnh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền diễn ra thường xuyên như: Mua nguyên vật liệu, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, doanh thu in hàng cho các công ty, thanh toán tiền hàng, trả phí dịch vụ cho ngân hàng... Do đó công tác kế toán đóng vai trò rất quan trọng.

- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới thu chi tiền mặt, kế toán phải tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi, sổ chi tiết tiền mặt.

- Mỗi khoản chi tiền, mua hàng, tạm ứng dưới 5.000.000 nếu được kế toán tổng hợp xem xét, ký duyệt thì thủ quỹ tiến hành xuất quỹ. Nếu khoản chi trên

5.000.000 thì phải được kế toán tổng hợp và giám đốc xem xét, ký duyệt thì thủ quỹ mới được phép xuất quỹ.

- Tài khoản sử dụng:
 - + Tiền mặt : TK 111
 - + Tiền gửi ngân hàng: TK 112
- Chứng từ kế toán sử dụng:

➤ Phiếu thu: Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan thu tiền kế toán viết hóa đơn GTGT và lập phiếu thu với số tiền và lý do hợp lý đúng theo hóa đơn GTGT. Từ đó làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó đ- ọc dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi đ- ọc làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ đ- ọc dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số d- của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết(đ- ọc lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) đ- ọc dùng để lập Báo cáo tài chính.

+ Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ là thủ tục nhập quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền ,thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

- + Phiếu thu gồm 3 liên:
 - Liên1: Lưu tại phòng kế toán
 - Liên 2: Giao cho người nộp
 - Liên 3: Giao cho thủ quỹ

➤ Phiếu chi: Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi tiền mặt căn cứ vào hóa đơn mua hàng (đối với những hàng hóa không thuộc diện chịu thuế

GTGT) hoặc hóa đơn GTGT hàng mua, kế toán lập phiếu chi, số tiền phải đúng như trong hóa đơn và lý do chi hợp lý. Từ đó làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó đ- ọc dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi đ- ọc làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ đ- ọc dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số d- của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (đ- ọc lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) đ- ọc dùng để lập Báo cáo tài chính.

+ Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (ký theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ, tên vào phiếu chi.

+ Phiếu chi gồm 3 liên:

- Liên1 : Lưu ở nơi lập phiếu
- Liên 2: thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán
- Liên3 : giao cho người nhận tiền

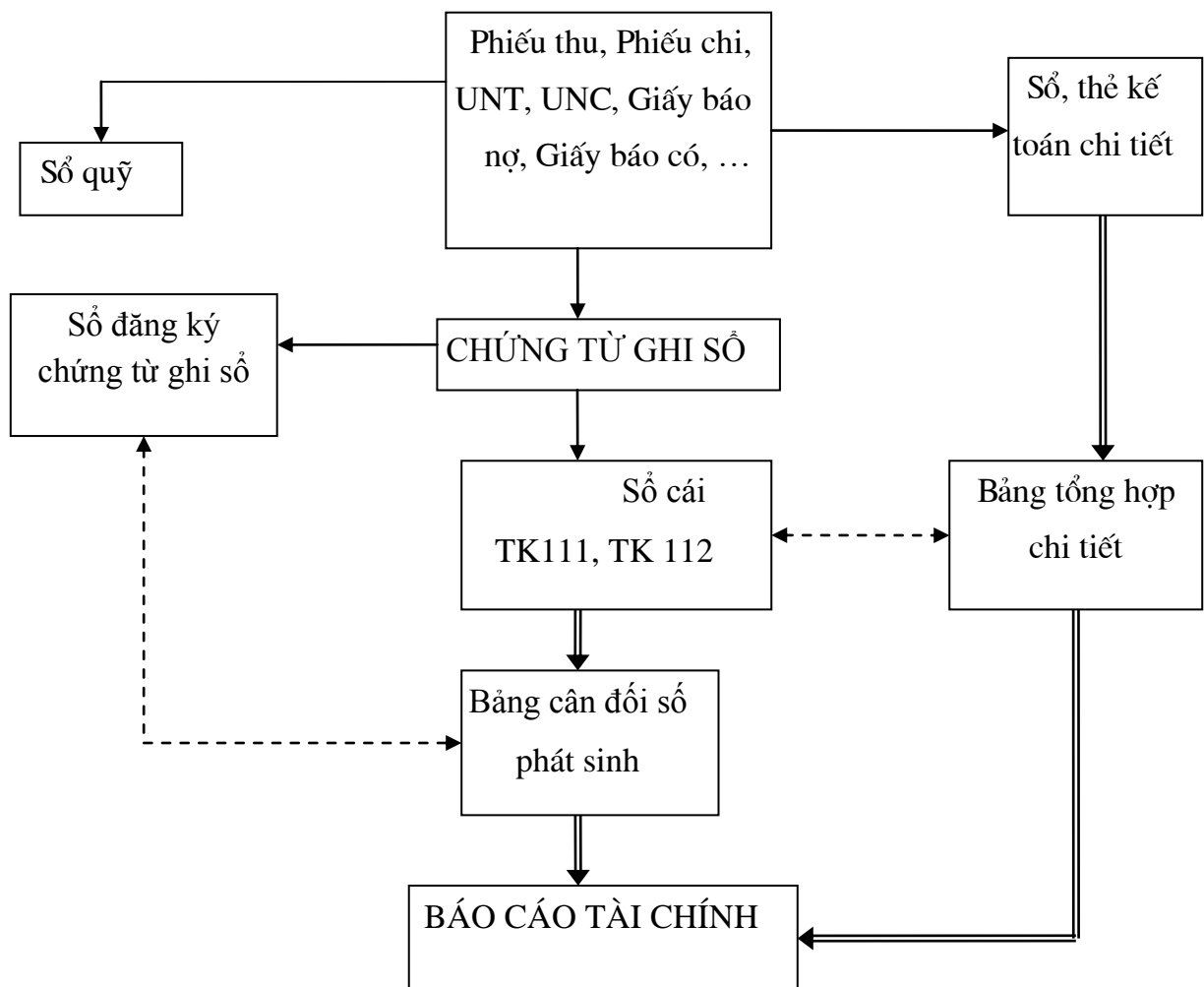
➤ Ủy nhiệm thu (UNT), Ủy nhiệm chi (UNC): Sau khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chuyển khoản, kế toán được giám đốc ký ủy nhiệm để lập UNT, UNC và chuyển tới ngân hàng từ đó sẽ nhận được sổ hạch toán chi tiết, giấy báo có, giấy báo nợ. Căn cứ vào các chứng từ đó kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó đ- ọc dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi đ- ọc làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ đ- ọc dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ,

Tổng số phát sinh Có và Số d- của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết(đ- ọc lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) đ- ọc dùng để lập Báo cáo tài chính.

***Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ được mô tả theo sơ đồ sau:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

2.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty.

Tiền mặt phản ánh tình hình thu, chi, tồn, quỹ tại công ty. Kế toán tiền mặt mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán.

Chứng từ sử dụng:

Chứng từ: Hóa đơn(GTGT), Phiếu chi(đánh số từ số 0001 theo từng tháng), Phiếu thu (đánh số từ 0001 theo từng tháng)...

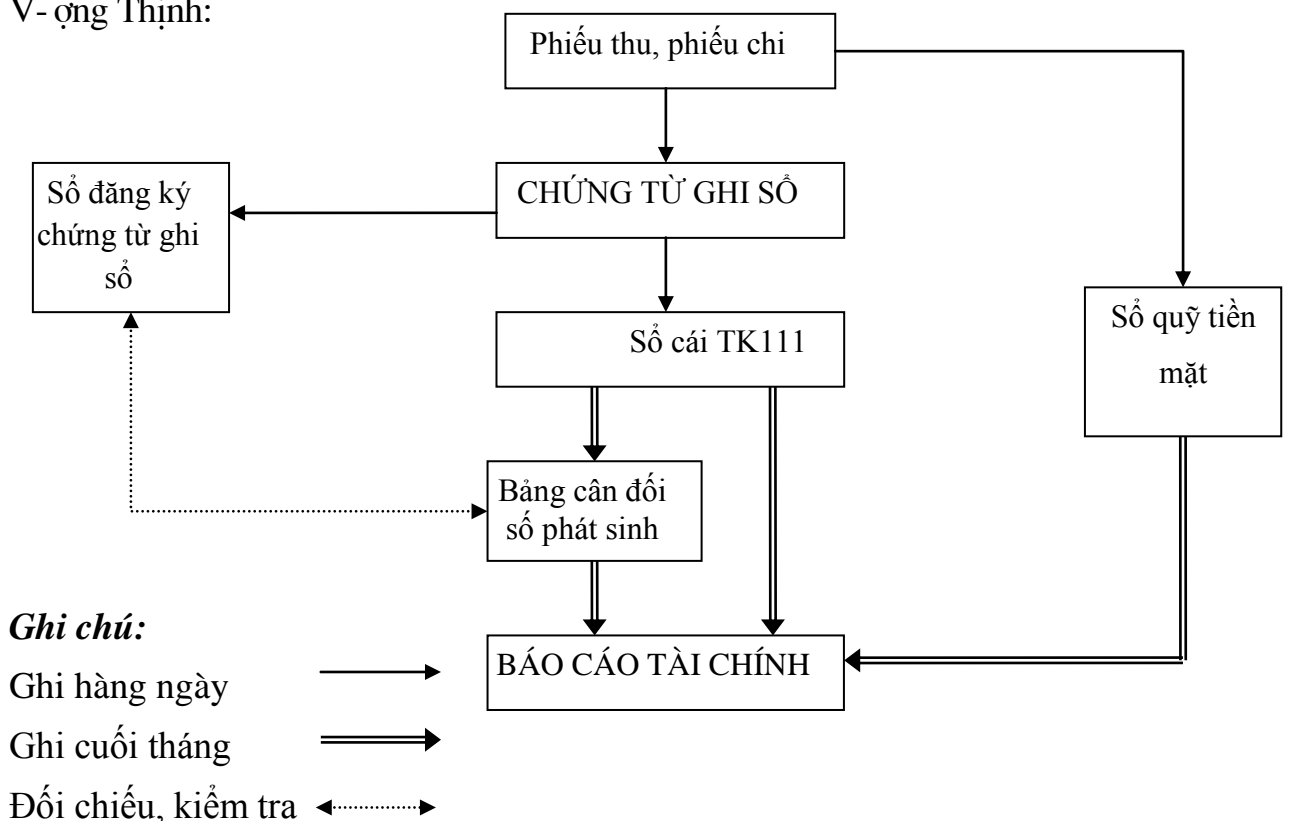
Sổ sách: Chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại quỹ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK111, Sổ kế toán quỹ tiền mặt, Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- TK 111: Tiền mặt
- Các TK có liên quan

Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt tại Công ty.

Quy trình hạch toán vốn bằng tiền của Công ty TNHH xây dựng thương mại V- ọng Thịnh:



Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty TNHH xây dựng thương mại v- ọng Thịnh.

Hình thức hạch toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ vào các chứng từ thu, chi để lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong đ- ọc ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu sau đó căn cứ và chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ cái. Số liệu từ các chứng từ thu, chi cũng đ- ọc dùng để ghi vào các sổ quỹ và sổ kế toán chi tiết.

Trong năm 2011 đã hoàn thành nhiều kế hoạch bán hàng đề ra làm doanh thu cao quỹ tiền mặt của Công ty tăng. Để phục vụ cho các cửa hàng đ- ọc tốt hơn Công ty đã chi một số tiền t- ơng đối lớn Công ty chi tiền mua vật t- , công cụ dụng cụ, nâng cấp các thiết bị dụng cụ cho việc bán hàng đ- ọc tốt hơn, Công ty cũng đã nh- ợng bán một số tài sản mà Công ty không sử dụng nữa, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán lập các định khoản làm tăng l- ợng tiền mặt của Công ty trong tháng 10 (Trích một số nghiệp vụ)

2.2.2.2. Kế toán tăng tiền mặt.

-Ngày 7/10 Công ty nh- ợng bán máy xay đá trị giá 17.050.000đ bao gồm cả thuế GTGT 10%. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 111 : 17.050.000đ
 Có TK 333 : 1.550.000đ
 Có TK 711 : 15.500.000đ

-Ngày 11/10 Xuất bán cho công ty cổ phần xây dựng và th- ơng mại Tiến Phát 265 cây thép, đơn giá 120.000đ/cây, tổng giá thanh toán cả thuế là 34.980.000đ.

Nợ TK111 : 34.980.000đ
 Có TK511 : 31.800.000đ
 Có TK333 : 3.180.000đ

-Ngày 15/10 Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt với số tiền là 530.000.000đ.

Nợ TK 111 : 530.000.000đ
 Có TK 112 : 530.000.000đ

-Ngày 16/10 Công ty TNHH Núi Voi thanh toán số nợ kỳ tr- ớc bằng tiền mặt 20.000.000đ.

Nợ TK111: 20.000.000đ
 Có TK131: 20.000.000đ

-Ngày 22/10 Chị Nguyễn Thị Hằng thanh toán số tiền thừa tạm ứng là 1.950.000đ.

Nợ TK111: 1.950.000đ

Có TK141: 1.950.000đ

-Ngày 28/10 Công ty nhận báo cáo doanh thu từ cửa hàng của công ty.

Nợ TK 111 : 313.846.500đ

Có TK 511 : 285.315.000đ

Có TK 333 : 28.531.500đ

HÓA ĐƠN Mẫu số:01GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG RG/2011B

Liên 3:Nội bộ 0093656

Ngày 07 tháng 10 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH xây dựng thương mại V- ượng Thịnh
 Địa chỉ: 76 Trần Tất Văn – Khu Trung Dũng – Thị trấn An Lão – An Lão – Hải Phòng.

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS....0200875908.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Trang Anh.

Địa chỉ: Km 32, Quốc lộ 10, Khúc Giản – An Tiến – An Lão – Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS: 0100100182

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|-----------------------|---------------------------|----------|--|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1. | Nhuộm bán máy xay đá | Chiếc | 1 | 15.500.000 | 15.500.000 |
| | / | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.500.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | | Tiền thuế GTGT: | 1.550.000 |
| Tổng cộng thanh toán: | | | | 17.050.000 | |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) Giám đốc Phạm Văn Tuyền | |

PHIẾU THU

Quyển số: 1

Ngày 07 tháng 10 năm 2011

Số: 1

Nợ TK: 111

Có TK: 333,711

Họ tên ng- ời nộp: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Công ty TNHH Trang Anh

Lý do thu: bán máy xay đá.

Số tiền: 17.050.000đ

(Viết bằng chữ) : m- ời bảy triệu không trăm năm m- ời nghìn đồng.

Chứng từ gốc kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 7/10/2011

Giám đốc Kế toán Ng- ời nộp tiền Ng- ời lập phiếu Thủ quỹ
tr- ởng

Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại.

Loại chứng từ gốc: Phiếu thu

Tháng 10 năm 2011

Đơn vị : đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền |
|----------|-------|---|------------------|---------------|
| SH | NT | | | |
| | | | | |
| | 7/10 | Nh- ợng bán máy xay đá | 333 | 1.550.000 |
| | | | 711 | 15.500.000 |
| | 11/10 | Bán thép cho công ty cổ phần xây dựng và th- ơng mại Tiến Phát | 511 | 31.800.000 |
| | | | 333 | 3.180.000 |
| | ... | | | |
| | 15/10 | Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ | 112 | 530.000.000 |
| | 16/10 | Công ty TNHH Núi Voi TT Nợ | 131 | 20.000.000 |
| | | | | |
| | 22/10 | Thanh toán thừa tạm ứng | 141 | 1.950.000 |
| | | | | |
| | 28/10 | Công ty nhận báo cáo doanh thu | 511 | 285.315.000 |
| | | | 333 | 28.531.500 |
| | | | | |
| | | Cộng | | 1.016.879.032 |

2.2.2.3. Kế toán giảm tiền mặt của công ty.

Ngoài ra các nghiệp vụ phát sinh làm giảm quỹ tiền mặt của công ty:

- Ngày 5/10 Mua nguyên vật liệu về nhập kho phân x- ởng số 1, số tiền 94.710.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Nợ TK 152 : 86.100.000đ

Nợ TK 133 : 8.610.000đ

Có TK 111 : 94.710.000đ

-Ngày 7/10 Tạm ứng cho anh Phạm Quý Nam số tiền 9.500.000đ.

Nợ TK 141: 9.500.000đ

Có TK 111: 9.500.000đ

-Ngày 10/10 Công ty mua một máy vi tính của công ty máy tính CPN trị giá 9.039.800đ bao gồm cả thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 153 : 8.218.000đ

Nợ TK 133 : 821.800đ

Có TK 111 : 9.039.800đ

- Ngày 12/10 Công ty thanh toán nợ kỳ tr- ớc cho công ty TNHH Lộc Đại Minh. Tổng số thanh toán là 275.377.000đ.

Nợ TK 331 : 275.377.000đ

Có TK 111 : 275.377.000đ

- Ngày 17/10 Thuê sửa chữa sân sau nhà kho số tiền phải trả 15.746.500đ bao gồm thuế GTGT 10% công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 241 : 14.315.000đ

Nợ TK 133 : 1.431.500đ

Có TK 111 : 15.746.500đ

-Ngày 25/10 Nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng số tiền là 110.000.000đ.

Nợ TK 112: 110.000.000đ

Có TK 111: 110.000.000đ

- Ngày 28/10 Nhận đ- ợc hoá đơn tiền điện của công ty điện lực số tiền phải thanh toán là 4.323.000đ.

Nợ TK 641 : 1.320.000đ

Nợ TK 642 : 2.610.000đ
Nợ TK 133 : 393.000đ
Có TK 111 : 4.323.000đ

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01GTKT-3LL

NL/2011B

Liên 2:Giao khách hàng

0028490

Ngày 05 tháng 10 năm 2011

Đơn vị bán hàng:.....

Địa chỉ:..... Công ty Cổ phần Hải Tính

Số tài khoản:..... Bát Trang – An Lão – Hải Phòng.

Điện thoại:..... MST: 0200775902

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh.

Địa chỉ: 76 Trần Tất Văn – Khu Trung Dũng – Thị trấn An Lão – An Lão – Hải Phòng.

Số tài khoản: 0200875908.

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200634701

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|-----------------------|---------------------------|----------|--|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Mua cát đen | m ³ | 600 | 75.500 | 40.800.000 |
| 2 | Gạch | viên | 34.000 | 1.200 | 45.300.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 86.100.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: | | | | | 8.610.000 |
| Tổng cộng thanh toán | | | | | 94.710.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín mươi tư triệu bảy trăm mười nghìn đồng.</i> | | | | | |
| Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) | |
| | | | | Giám đốc Bùi Hải Nam | |

PHIẾU CHI

Quyển số: 1

Ngày 5 tháng 10 năm 2011

Số: 1

Nợ TK: 152

Nợ TK:133

Có TK: 111

Họ tên ng- ời nhận: Nguyễn Thị Nga

Địa chỉ: Văn phòng

Lý do: mua nguyên vật liệu

Số tiền: 94.710.000đ

(Viết bằng chữ): Chín m- ời t- triệu bảy trăm m- ời nghìn đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 5 tháng 10 năm 2011

Giám đốc Kế toán Ng- ời nộp tiền Ng- ời lập phiếu Thủ quỹ
tr- ợng

Bảng tập hợp chứng từ gốc cùng loại

Tên chứng từ: Phiếu chi

Tháng 10 năm 2011

Đơn vị : đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền |
|----------|-------|-------------------------------|------------|-------------|
| SH | NT | | | |
| | | | | |
| | 5/10 | Mua nguyên vật liệu | 152 | 86.100.000 |
| | | | 133 | 8.610.000 |
| | 7/10 | Tạm ứng | 141 | 9.500.000 |
| | | | | |
| | 10/10 | Mua máy vi tính | 153 | 8.218.000 |
| | | | 133 | 821.800 |
| | 12/10 | Thanh toán nợ kỳ tr- ớc | 331 | 275.377.000 |
| | | | | |
| | 17/10 | Thuê sửa chữa sân sau nhà kho | 241 | 14.315.000 |
| | | | 133 | 1.431.500 |
| | | | | |
| | 25/10 | Rút tiền mặt gửi ngân hàng | 112 | 110.000.000 |
| | | | | |
| | 28/10 | Trả tiền điện | 641 | 1.320.000 |
| | | | 642 | 2.610.000 |
| | | | 133 | 393.000 |
| | | | | |
| | | Cộng | | 817.543.800 |

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30/10/2011

Số: 15

Đơn vị tính: VNĐ

| TKĐƯ | | Trích yếu | Số tiền | |
|------|------------|--|---------|---------------------------|
| Nợ | Có | | Nợ | Có |
| 111 | 711 333 | Nh- ợng bán máy xay đá | | 15.500.000 1.550.000 |
| 111 | 511 333 | Bán thép cho công ty TNHH xây dựng và th- ơng mại Tiến Phát | | 31.800.000 3.180.000 |
| | | | | |
| 111 | 112 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt | | 530.000.000 |
| 111 | 131 | Công ty TNHH Núi Voi thanh toán nợ | | 20.000.000 |
| 111 | 141 | Thanh toán tiền thừa tạm ứng | | 1.950.000 |
| | | | | |
| 111 | 511 333 | Báo cáo doanh thu của cửa hàng | | 285.315.000 28.531.500 |
| | | Cộng | | 1.016.879.032 |

Kèm theo 9 chứng từ gốc

Ng- ời lập
(Ký, tên họ)

Kế toán tr- ợng
(Ký, tên họ)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30/10/2011

Số 21

Đơn vị tính: VNĐ

| TKĐƯ | | Trích yếu | Số tiền | |
|------|-----|-------------------------------|--------------------|----|
| Nợ | Có | | Nợ | Có |
| 152 | 111 | Mua nguyên vật liệu | 86.100.000 | |
| 133 | | | 8.610.000 | |
| 141 | 111 | Tạm ứng | 9.500.000 | |
| | | | | |
| 153 | 111 | Mua máy vi tính | 8.218.000 | |
| 133 | | | 821.800 | |
| | | | | |
| 331 | 111 | Thanh toán nợ | 275.377.000 | |
| | | | | |
| 112 | 111 | Nộp tiền mặt vào TK ngân hàng | 110.000.000 | |
| | | | | |
| 241 | 111 | Thuê sửa chữa sân sau | 14.315.000 | |
| 133 | | | 1.431.500 | |
| 641 | 111 | Trả tiền điện | 1.320.000 | |
| 642 | | | 2.610.000 | |
| 133 | | | 393.000 | |
| | | Cộng | 817.543.800 | |

Kèm theo...12. chứng từ gốc.

Ng- ời lập
(Ký, tên họ)

Kế toán tr- ợng
(Ký, tên họ)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 243

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Chứng từ ghi sổ | | Số tiền |
|-----|-----------------|----|---------------|
| | SH | NT | |
| 01 | 15 | 29 | 1.016.879.032 |
| | | | |
| 02 | 21 | 29 | 817.543.800 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | Cộng | | 4.097.623.667 |

Kèm theo chứng từ gốc.

Ng- ời lập
(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ờng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH XD TM V- ợng Thịnh

Mẫu số: S02c1-DN

76 Trần Tất Văn – An Lão – Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ợng BTC)

SỔ CÁI-CTGS

Tên TK: Tiền mặt

SHTK: 111

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | TK Đ/- | Số tiền | |
|----------|-------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | <u>Số d- đầu kỳ</u> | | <u>434.756.078</u> | |
| 34 | 5/10 | Mua nguyên vật liệu | 152, 133 | | 86.100.000 8.610.000 |
| 61 | 7/10 | Nh- ợng bán máy xay đá | 711, 333 | 15.500.000 1.550.000 | |
| 35 | 7/10 | Chi tạm ứng | 141 | | 9.500.000 |
| 36 | 10/10 | Mua máy vi tính | 153, 133 | | 8.218.000 821.800 |
| 62 | 11/10 | Bán thép thông th- ờng | 511, 333 | 31.800.000 3.180.000 | |
| 37 | 12/10 | Công ty thanh toán nợ | 331 | | 275.377.000 |
| | | | | | |
| 65 | 15/10 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt | 112 | | 530.000.000 |
| 66 | 16/10 | Công ty TNHH Núi Voi thanh toán nợ | 131 | 20.000.000 | |
| 39 | 17/10 | Thuê sửa chữa sân sau nhà kho | 241, 133 | | 14.315.000 1.431.500 |
| | | | | | |
| 41 | 25/10 | Nộp tiền mặt tại quỹ vào TK ngân hàng | 112 | | 110.000.000 |
| | | | | | |

| | | | | | |
|----|-------|----------------------------|---------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 71 | 28/10 | Báo cáo doanh thu | 511, 333 | 285.315.000 28.531.500 | |
| 43 | 28/10 | Thanh toán tiền điện n- óc | 641, 642, 133 | | 1.320.000 2.610.000 393.000 |
| | | <u>Công số d- cuối kỳ</u> | | <u>320.767.250</u> | |

Kèm theo chứng từ gốc.

Ng- ời lập
(Ký, tên họ)

Kế toán tr- ởng
(Ký, tên họ)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trang: 01

| NT | Số phiếu | | Diễn giải | TK Đ□ | Số tiền | | |
|-----------|----------|-----|---------------------------|----------|------------|-------------|--------------------|
| | Th u | Chi | | | Thu | Chi | Tồn |
| | | | <u>Số d- đầu kỳ</u> | | | | <u>434.756.078</u> |
| 5/10 | | 34 | Mua hàng hoá | 156 | | 86.100.000 | 348.656.078 |
| | | | | 133 | | 8.610.000 | 340.046.078 |
| 7/10 | 61 | | Nh- ợng bán máy xay đá | 711 | 15.500.000 | | 355.546.078 |
| | | | | 333 | 1.550.000 | | 357.096.078 |
| 7/10 | | 36 | Mua máy vi tính | 153 | | 8.218.000 | 348.878.078 |
| | | | | 133 | | 821.800 | 348.056.278 |
| | | | | | | | |
| 12/1 0 | | 37 | Công ty thanh toán nợ | 331 | | 315.769.000 | 386.128.980 |
| | | | | | | | |
| 17/1 0 | | 39 | Thuê sửa chữa nhà kho | 241 | | 14.315.000 | 359.897.080 |
| | | | | 133 | | 1.431.500 | 358.465.580 |
| | | | | | | | |
| | | | <u>Số d- cuối kỳ</u> | | | | <u>320.767.250</u> |

2.2.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Tiền gửi ngân hàng phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của công ty. Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đúng rồi thì kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào máy tính.

2.2.4.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán.

Chứng từ kế toán sử dụng.

- Cũng như phân lý luận công ty sử dụng các chứng từ như: Giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm chi và các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng.

- Và các tài khoản có liên quan.

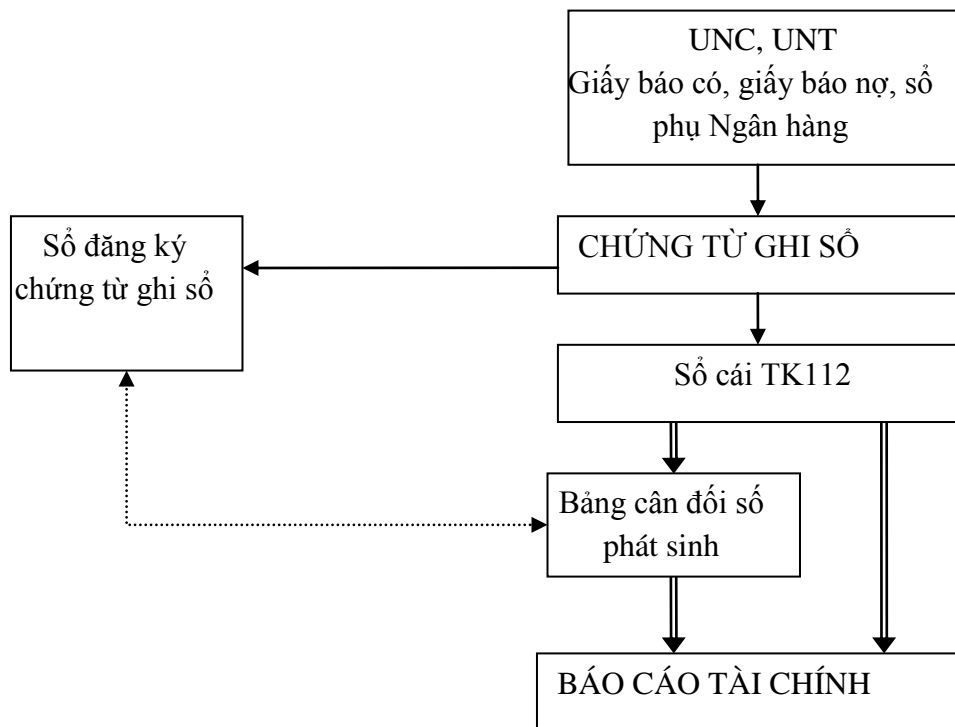
Sơ đồ luân chuyển tiền gửi ngân hàng.

- Khi phát sinh liên quan đến nghiệp vụ chuyển khoản căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán sẽ lập UNT, UNC gửi tới ngân hàng. Ngân hàng sẽ xác nhận số tiền trong tài khoản của doanh nghiệp, trên UNT, UNC và gửi giấy báo có, giấy báo nợ, sổ hạch toán chi tiết cho kế toán.

- Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, lập chứng từ ghi sổ và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng ghi vào sổ cái TK 112. Kế toán phải đối chiếu số liệu giữa số dư cuối ngày trong sổ hạch toán chi tiết của ngân hàng với số dư của sổ tiền gửi ngân hàng. Nếu số liệu không trùng khớp kế toán phải kiểm tra lại số liệu trên sổ sách và báo ngay cho ngân hàng.

- Cuối hàng tháng, kế toán tiến hành khóa sổ cái TK112 và từ sổ cái làm căn cứ ghi vào Bảng cân đối số phát sinh và cuối cùng vào Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.1.2: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

2.2.4.2. Kế toán giảm TGNH của công ty.

Trích một số nghiệp vụ làm giảm TGNH:

- Ngày 5/10 rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

Nợ TK 111 : 500.000.000đ
 Có TK 112 : 500.000.000đ

- Ngày 10/10 trả tiền mua nguyên vật liệu tháng tr-ớc.

Nợ TK 331 : 21.400.000đ
 Có TK 112 : 21.400.000đ

- Ngày 11/10 chi trả tạm ứng bằng tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 141 : 9.000.000đ
 Có TK 112 : 9.000.000đ

**Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn
huyện An Lão**

GIẤY BÁO NỢ

(Bộ tài chính)

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Kính gửi: Công ty TNHH xây dựng thương mại V- ợng Thịnh.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

| | |
|---------------------|-----------------------------|
| Số tài khoản ghi nợ | : 13436689 |
| Số tiền bằng số | : 500.000.000 |
| Số tiền bằng chữ | : Năm trăm triệu đồng chẵn. |
| Nội dung | : Chi tiền mua hàng hóa |

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty TNHH XDTM V- ợng Thịnh

Mẫu số: S02a-DN

76 Trần Tất Văn – An Lão – Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 củ Bộ tr- ợng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 – 10 – 2011 Số 290

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | TK | | Số tiền | |
|----------|-------|------------------------------------|-----|-----|---------|--------------------|
| SH | NT | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 5 | 05/10 | Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt | 111 | 112 | | 500.000.000 |
| 6 | 10/10 | Chi tiền trả tiền nợ NVL kỳ tr- ớc | 331 | 112 | | 21.400.000 |
| 10 | 11/10 | Chi tạm ứng bằng tiền gửi NH | 141 | 112 | | 9.000.000 |
| | | Cộng | | | | 530.400.000 |

Kèm theo.... chứng từ gốc

Ng- ời lập

(Ký, tên họ)

Kế toán tr- ợng

(Ký, tên họ)

2.2.3.3. Kế toán làm tăng TGNH của công ty.

Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng của Công ty:

*Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong kỳ làm tăng TGNH :

- Ngày 12/10 Công ty TNHH Trang Anh thanh toán nợ kỳ tr- ớc bằng TGNH với số tiền là 38.721.000.

Nợ TK 112: 38.721.000

Có TK 131: 38.721.000

- Ngày 15/10 Công ty bán thép thép chống mài mòn cho công ty TNHH Hào Quang. Tổng số tiền phải thu là 66.000.000đ (bao gồm cả thuế GTGT). Khách hàng đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 112: 66.000.000

Có TK 511: 60.000.000

Có TK 333: 6.000.000

- Ngày 21/10 Thu từ quỹ ký c- ợc ngắn hạn.

Nợ TK 112 : 11.000.000đ

Có TK 144 : 11.000.000đ-

- Ngày 26/10 Nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng số tiền 250.000.000đ.

Nợ TK 112: 150.000.000

Có TK 111: 150.000.00

- Ngày 29/10 Thu lãi tiền gửi qua ngân hàng.

Nợ TK 112 : 1.571.000đ

Có TK 515 : 1.571.000đ

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển
nông thôn huyện An Lão

GIẤY BÁO CÓ

(Bộ tài chính)

Ngày 28 tháng 10 năm 2010

Kính gửi : Công ty TNHH xây dựng th-ong mại V- ọng Thịnh

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với
nội dung sau:

| | |
|---------------------|--------------------------------------|
| Số tài khoản ghi có | : 13436689 |
| Số tiền bằng số | : 150.000.000 |
| Số tiền bằng chữ | : Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn. |
| Nội dung | : Gửi tiền mặt vào ngân hàng. |

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 – 10 – 2011

Số 293

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | TK | | Số tiền | |
|-------------|-------|---|-----|------------|-------------------------|----|
| SH | NT | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 99 | 12/10 | Thu nợ kỳ tr- ớc của công ty TNHH Trang Anh | 112 | 131 | 38.721.000 | |
| 100 | 15/10 | Bán thép chống mòn cho công ty TNHH Hào | 112 | 511 333 | 60.000.000 6.000.000 | |
| 111 | 21/10 | Thu từ quý ký c- ợc ngắn hạn | 112 | 144 | 11.000.000 | |
| 112 | 26/10 | Rút quỹ tiền mặt đem gửi ngân hàng | 112 | 111 | 150.000.000 | |
| 113 | 29/10 | Thu lãi tiền gửi tháng 9 | 112 | 515 | 1.571.000 | |
| Cộng | | | | | 267.292.000 | |

Kèm theo.... chứng từ gốc

Ng- ời lập

(Ký, tên họ)

Kế toán tr- ợng

(Ký, tên họ)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Đơn vị: đồng

| TT | Chứng từ | | Số tiền |
|----|----------|-------|---------------|
| | SH | NT | |
| 01 | 290 | 30/10 | 530.400.000 |
| | | | |
| 02 | 293 | 30/10 | 267.292.000 |
| | | | |
| | | | |
| | | | 1.667.980.380 |

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ng- ời lập
(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ợng
(Ký, họ tên)

TRÍCH SỔ CÁI- CTGS

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

SHTK: 112

Đơn vị tính: VN

| Tt | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số tiền | |
|----|----------|-------|--|------------|-------------------------|-------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số d- đầu kỳ</u> | | <u>821.980.000</u> | |
| 1 | | 5/10 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ | 111 | | 500.000.000 |
| 2 | | 10/10 | Trả tiền mua hàng hoá tháng tr- ớc | 331 | | 21.400.000 |
| 3 | | 11/10 | Chi tạm ứng | 141 | | 9.000.000 |
| 4 | | 12/10 | Công ty TNHH Trang Anh thanh toán nợ kỳ tr- ớc | 131 | 38.721.000 | |
| 5 | | 15/10 | Bán thép chống mòn | 511 333 | 60.000.000 6.000.000 | |
| 6 | | 21/10 | Thu từ quỹ ký c- ợc ngắn hạn | 144 | 11.000.000 | |
| 7 | | 26/10 | Nộp tiền mặt gửi vào TK ngân hàng | 111 | 150.000.000 | |
| 8 | | 29/10 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 515 | 1.571.000 | |
| | | | Cộng phát sinh trong kỳ | | 267.292.000 | 530.400.000 |
| | | | <u>Số d- cuối kỳ</u> | | <u>558.872.000</u> | |

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

| Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số tiền | | |
|----------|-------|---|-----------------|-------------------------|-------------|----------------------------|
| SH | NT | | | Gửi vào | Rút ra | Còn lại |
| | | <u>Số d- đầu kỳ</u> | | | | <u>821.980.000</u> |
| | 5/10 | Nhập quỹ tiền mặt | 111 | | 500.000.000 | 321.980.000 |
| | 10/10 | Trả tiền mua hàng hoá | 331 | | 21.400.000 | 300.580.000 |
| | 11/10 | Tạm ứng | 141 | | 9.000.000 | 291.580.000 |
| | 12/10 | Công ty TNHH Trang Anh thanh toán | 131 | 38.721.000 | | 330.301.000 |
| | 15/10 | Bán thép | 511 , 333 | 60.000.000 6.000.000 | | 390.301.000 396.301.000 |
| | 21/10 | Thu quỹ ký c- ợc ngắn hạn | 144 | 11.000.000 | | 407.301.000 |
| | 26/10 | Đem tiền mặt gửi ngân hàng | 111 | 150.000.000 | | 557.301.000 |
| | 29/10 | Thu lãi TGNH | 515 | 1.571.000 | | 558.872.000 |
| | | Cộng | | | | 558.872.000 |

**Ch- ơng III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY
TNHH XÂY DỰNG TH- ƠNG MẠI V- ƠNG THỊNH**

3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty TNHH xây dựng th- ơng mại V- ơng Thịnh.

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ khi thành lập đến nay, công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn, thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần khẳng định vị thế của chính mình. Đặc biệt công tác kế toán của công ty thực sự là công cụ đắc lực phục vụ cho lãnh đạo công ty trong việc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, tình hình sử dụng vốn giúp cho lãnh đạo có những chủ trương, biện pháp tích cực trong công tác quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh. Công ty không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng, đồng thời có các biện pháp thỏa đáng đối với khách hàng quen thuộc. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào Ngân Sách Nhà Nước.

- Mô hình quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh đã năng động xây dựng được mô hình quản lý khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh. Bộ máy quản lý gọn nhẹ hoạt động có hiệu quả giúp lãnh đạo công ty trong việc quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh. Công ty càng ngày càng ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế của các bạn hàng gần xa, tạo được lòng tin với khách hàng. Điều đó chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã trở thành đòn bẩy tích cực trong quá trình đi lên của công ty.

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã thực hiện xuất sắc các kế hoạch kinh doanh và những nhiệm vụ đề ra trong từng thời kỳ cụ thể. Để thực

hiện được điều đó, ty thường xuyên chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ và tay nghề cho đội ngũ công nhân viên bằng cách tổ chức cho họ theo học các lớp nghiệp vụ. Đồng thời công ty cũng thường xuyên bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó công ty còn có những biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương lao động trong công ty.

- Về công tác kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức kế toán chứng từ - ghi sổ. Đây là lựa chọn phù hợp với loại hình hoạt động cũng như quy mô công ty. Hình thức kế toán này đơn giản về quy trình hạch toán, thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán, hạn chế được lượng sổ sách công kênh giúp ban lãnh đạo công ty thực hiện được việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nên giảm nhẹ khối lượng công việc, không phải làm thủ công như: Tính toán, ghi chép... nhưng vẫn đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, kịp thời, phù hợp với các yêu cầu quản lý của công ty.

- Bộ máy kế toán: Công ty tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Các cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng nó một cách linh hoạt, khoa học. Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên cán bộ kế toán được phân công theo các phần hành kế toán. Việc phân công như vậy rất phù hợp, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phần hành của mình một cách nhanh chóng. Hơn nữa, giữa các kế toán viên luôn có quan hệ tác nghiệp trong công việc nên việc cung cấp trao đổi thông tin giữa các phần hành rất nhanh chóng, kịp thời tạo điều kiện cung cấp số liệu, các báo cáo cho ban lãnh đạo công ty khi cần thiết, đem lại hiệu quả cao.

3.2. Nhận xét về công tác kế toán Vốn Bằng Tiền

Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được những thất thoát, gian lận quỹ tiền

mặt đồng thời sử dụng tốt nhất những đồng vốn hiện có. Công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh trong thời gian qua đã có nhiều biện pháp nhằm hoàn thiện đổi mới trong công tác tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình. Vì vậy công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty đã đạt được những thành tựu góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của công ty trong thời kỳ đổi mới. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những yếu kém cần khắc phục.

3.2.1. Ưu điểm

Sau thời gian thực tập tại công ty xây dựng thương mại Vượng Thịnh dựa vào những hiểu biết, nhận thức của bản thân. Em nhận thấy công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay, cụ thể:

- **Bộ máy kế toán:** Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, khoa học, nề nếp, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động chuyên môn hóa theo các phần hành kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán. Mỗi nhân viên kế toán trong công ty phụ trách mỗi phần hành kế toán riêng biệt giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn. Bên cạnh đó đòi hỏi giữa các phần hành kế toán phải có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán ghi chép. Từ đó tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp cho ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh qua đó đề ra những biện pháp khắc phục.

- **Hình thức kế toán:** Với hệ thống kế toán ban hành công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được áp dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức kế toán này hạn chế được lượng lớn sổ sách công kênh, giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế

phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

- **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:** Công ty sử dụng đúng chứng từ theo chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính). Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định. Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của nhà nước. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

- **Về sổ sách kế toán:** Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu, chi của Tiền Mặt (TK111), Tiền Gửi Ngân Hàng (TK112) như: Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, chứng từ ghi sổ, sổ cái các tài khoản 111, 112. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

- **Trong hạch toán kế toán:** Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: Việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác. Giúp phát hiện được

những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

+ Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Việc lập sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán theo dõi so sánh số liệu với sổ tiền gửi ngân hàng để quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn, phát hiện được các chênh lệch nếu có.

+ Hạch toán ngoại tệ: Do tiền gửi của công ty được gửi hết vào ngân hàng nên việc theo dõi hạch toán ngoại tệ của công ty gặp nhiều thuận lợi. Cuối kỳ công ty đã đánh giá lại chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng vào ngày 31/12 xác định lỗ, lãi tỷ giá, so sánh số chênh lệch giữa giấy báo số dư ngoại tệ cuối kỳ với số dư trên sổ kế toán tiền gửi ngân hàng.

- **Cập nhật thông tin:** Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phân hành công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

- **Đào tạo nhân lực:** Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

3.2.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm đó, song do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện giúp cho ban lãnh đạo công ty quản lý và sử dụng vốn bằng tiền tiết kiệm và hiệu quả nhất, cụ thể:

1) Về chứng từ:

• Công ty chưa sử dụng một số chứng từ liên quan đến công tác hạch toán vốn bằng tiền như: Biên lai thu tiền, Giấy đề nghị thanh toán là căn cứ để lập

phiếu thu, phiếu chi để hạch toán các khoản thu chi của công ty. Ngoài ra còn có giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng.

- Không sử dụng bảng kê chi tiền: Do đó không liệt kê được khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi.

2) Về sổ sách:

- Chưa mở sổ nhật ký đặc biệt (nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền): Hình thức kế toán đang làm tại công ty vẫn là kế toán thủ công, khối lượng nghiệp vụ phát sinh liên quan tới tiền ngày càng nhiều, việc ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ đôi khi cũng mất nhiều thời gian cho kế toán. Kế toán nên lập sổ nhật ký đặc biệt (nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền) sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian cho việc ghi chép và tổng hợp số liệu liên quan tới vốn bằng tiền của công ty.

3) Không hạch toán tiền đang chuyển: Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của ngân hàng nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 – Tiền Đang Chuyển để theo dõi, điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

4) Về hình thức thanh toán: Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có quá nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng tới vấn đề an toàn tiền tại quỹ của công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn tại quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

5) Quản lý quỹ tiền mặt chưa tốt: Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ. Do đó không xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất khi sổ kế toán chênh lệch.

6) Vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm: Đối với một số khoản chi thì thủ quỹ vẫn là người trực tiếp đứng ra mua hàng, thủ quỹ kiêm kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương, điều này không đảm bảo tính trung thực và khách quan cho những khoản tiền do Thủ Quỹ chi.

7) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ. Nhưng chỉ dừng lại trên Excel không sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết. Sử dụng phần mềm sẽ tiết kiệm được thời gian công sức lao động đem lại hiệu quả làm việc cao. Giảm tải được khối lượng công việc. Do vậy việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giảm nhẹ được áp lực công việc cũng như thời gian làm việc cho kế toán.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh.

Với bất kỳ doanh nghiệp nào lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu vì vậy cần đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay. Trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh thì việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền là một yêu cầu đặt ra đòi hỏi các nhà quản lý cần phải quan tâm. Việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp phải chấp hành tuân thủ các chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Với tư cách là một sinh viên thực tập được sự giúp đỡ của các thầy cô và các cán bộ nhân viên trong công ty nhất là các anh chị trong phòng tài chính kế toán. Em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán vốn bằng tiền ở công ty như sau:

3.3.1. Hoàn thiện về chứng từ:

📌 Hoàn thiện mẫu chứng từ: Để công tác kế toán vốn bằng tiền tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới thì công ty nên sử dụng mẫu 1 số chứng từ liên quan đến công tác hạch toán vốn bằng tiền như: Biên lai thu tiền, Giấy đề nghị thanh toán, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng được ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC với mẫu sau:

Biểu số 30:

Đơn vị:

Bộ phận:

Mẫu số: 03-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày....tháng....năm....

Số:.....

Kính gửi:

Tên tôi là:

Địa chỉ:

Đề nghị cho tạm ứng số tiền:

(Viết bằng chữ):

Lý do tạm ứng:

Thời hạn thanh toán:

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Người đề nghị tạm ứng

(Ký, họ tên)

Biểu số 31:

Đơn vị:

Bộ phận:.....

Mẫu số: 04-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Họ và tên người thanh toán:
- Bộ phận (hoặc địa chỉ):
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

| Diễn giải | Số tiền |
|---|--------------|
| A | 1 |
| <p>I.Số tiền tạm ứng</p> <p>1. Số tiền tạm ứng kỳ trước chưa chi hết</p> <p>2. Số tạm ứng kỳ này:</p> <p style="padding-left: 20px;">- Phiếu chi số:.....ngày.....</p> <p style="padding-left: 20px;">- Phiếu chi số:.....ngày.....</p> <p>II.Số tiền đã chi:</p> <p>1. Chứng từ số.....ngày.....</p> <p>2.</p> <p>III.Chênh lệch</p> <p>1. Số tạm ứng chi không hết(I-II)</p> <p>2. Chi quá số tạm ứng(II-I)</p> | <p>.....</p> |

Giám đốc Kế toán trưởng Kế toán thanh toán Người đề nghị thanh toán

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

Biểu số 32:

Đơn vị:

Mẫu số: 05-TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày....tháng....năm....

Kính gửi:

- Họ và tên người đề nghị thanh toán:
- Bộ phận(hoặc địa chỉ):
- Nội dung thanh toán:
- Số tiền: (Viết bằng chữ):

(Kèm theo chứng từ gốc).

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 33:

Đơn vị:

Địa chỉ:.....

Mẫu số: 06-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BIÊN LAI THU TIỀN

Ngày..... tháng...năm....

Quyển số:.....

Số:.....

- Họ và tên người nộp:
- Địa chỉ:
- Nội dung thu:
- Số tiền thu: (Viết bằng chữ):

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người thu tiền

(Ký, họ tên)

✚ Hoàn thiện bảng kê chi tiền: Kế toán vốn bằng tiền nên mở bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:

Biểu số 34:

Đơn vị:

Mẫu số: 09-TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày....tháng....năm....

- Họ và tên người chi:
- Bộ phận(hoặc địa chỉ):
- Chi cho công việc:

| STT | Chứng từ | | Nội dung chi | Số tiền |
|-----|----------|------------|--------------|---------|
| | Số hiệu | Ngày,tháng | | |
| A | B | C | D | 1 |
| | | | | |
| | | | Cộng | |

Số tiền viết bằng chữ:

(Kèm theo..... chứng từ gốc).

Người lập bảng kê

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

3.3.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách

Công ty nên thêm mẫu sổ, giúp cho việc ghi chép được rõ ràng và thuận tiện cho việc đối chiếu và kiểm tra. Công ty nên thêm sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền.

+ Đối với nhật ký thu tiền: Hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc thu tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký thu tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Nợ TK... thể hiện phát sinh tăng tiền trong tháng của công ty.

+ Đối với nhật ký chi tiền: Hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc chi tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký chi tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Có TK... thể hiện phát sinh giảm tiền trong tháng của công ty.

Kế toán vốn bằng tiền nên mở sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền theo mẫu sau:

Biểu số 35:

Đơn vị:

Mẫu số: S03a1-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm

| Ngày, Tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi nợ TK... | Ghi Có các TK | | | |
|--------------------------|------------|---------------|-------------------------------|--------------------|----------------|-------|---------|---------|
| | Số Hiệu | Ngày Tháng | | | Tài khoản khác | | Số tiền | Số hiệu |
| | | | | | | | | |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | |

- Sổ này có.....trang,đánh số từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ.....

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu số 36:

Đơn vị:

Mẫu số: S03a2-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm

| Ngày, Tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi có TK... | Ghi Nợ các TK | | | |
|--------------------------|------------|---------------|-------------------------------|--------------------|----------------|-------|---------|---------|
| | Số Hiệu | Ngày Tháng | | | Tài khoản khác | | | |
| | | | | | | | Số tiền | Số hiệu |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | |

- Sổ này có.....trang,đánh số từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ.....

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

3.3.3. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở TK 113- Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong những trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có, báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng... Toàn bộ các nghiệp vụ liên quan đến hạch toán tiền đang chuyển đã được trình bày đầy đủ ở trong mục...

3.3.4. Về hình thức thanh toán

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua ngân hàng, để đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty cũng như khả năng sinh lời của tiền.

3.3.5. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền việt nam tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ ban kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- Một bản lưu ở thủ quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Biểu số 37:

Đơn vị:

Bộ phận:.....

Mẫu số: 08a-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào... giờ... ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán
- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải | Số lượng(tờ) | Số tiền |
|-----|-----------------------|--------------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ: | | |
| II | Số kiểm kê thực tế: | | |
| 1 | Trong đó: - Loại | | |
| 2 | - Loại | | |
| 3 | - Loại | | |
| 4 | - | | |
| III | Chênh lệch(III=I-II): | | |

- Lý do : + Thừa:

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng Thủ quỹ Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

3.3.6. Phải tuân thủ đúng nguyên tắc bất kiêm nhiệm

Để đảm bảo tính trung thực, khách quan và tránh gian lận trong khâu thu mua thì không nên để thủ quỹ đứng ra mua hàng. Công ty nên cử những nhân viên chuyên mua hàng mà những nhân viên này phải hoạt động độc lập với phòng kế toán.

3.3.7. Công tác kế toán nên sử dụng phần mềm kế toán máy

Hiện nay công nghệ thông tin phát triển, ngày càng có nhiều phần mềm kế toán đơn giản dễ sử dụng, đáp ứng công việc kế toán mà vẫn giữ được bảo mật thông tin. Việc sử dụng phần mềm kế toán góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý tiết kiệm thời gian nguồn nhân lực cho công ty, giảm áp lực trong công tác kế toán, giảm nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra, một kế toán có thể đảm nhận nhiều phần hành kế toán, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu. Từ đó tạo điều kiện cho kế toán tập trung vào công việc tư vấn tài chính, lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp, nâng cao công tác kế toán cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất vì vậy công ty nên mua phần mềm kế toán máy để phục vụ cho công tác kế toán.

Cụ thể công ty nên đặt mua phần mềm kế toán riêng áp dụng cho hình thức chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm kế toán được sử dụng như: Misa, Fast Accounting, Emass, Metadata...

KẾT LUẬN

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết và quan trọng. Thông qua kế toán Vốn Bằng Tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của Vốn Bằng Tiền, từ đó có kế hoạch sử dụng Vốn Bằng Tiền sao cho hợp lý để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Khóa luận: **Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh** đã đề cập được một số vấn đề cơ bản sau:

- **Về mặt lý luận:** Đã đưa ra được những vấn đề chung về Vốn Bằng Tiền, các phương pháp hạch toán Vốn Bằng Tiền tại các doanh nghiệp.

- **Về mặt thực tế:** Đã phản ánh được việc tổ chức hạch toán kế toán Vốn Bằng Tiền củ công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh và lấy số liệu năm 2011 để minh chứng.

Thông qua việc đối chiếu lý luận với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành. Khóa luận đã nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh, các kiến nghị đều dựa trên cơ sở thực tế và đều mang tính khả thi, tuy nhiên chưa thoát khỏi màu sắc lý thuyết. Rất mong được sự tham khảo của doanh nghiệp.

Do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên luận văn của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ dạy của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh và đặc biệt là Thầy Giáo – TS. Nguyễn Văn Tĩnh đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài Khóa Luận này. Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Ban Lãnh Đạo công ty TNHH xây dựng thương mại Vượng Thịnh đặc biệt là các anh chị cán bộ công nhân viên tại phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu vừa qua.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2012

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Thị Phương Thảo.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Nhà xuất bản Thống Kê năm 2009
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính, Chứng từ, Sổ kế toán và sơ đồ kế toán chủ yếu.
2. Giáo trình kế toán tài chính – TS. Võ Văn Nhị.
3. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Thị Đông
4. Lý thuyết về thực hành kế toán tài chính – Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Công
5. Webservice : www.webketoan.com.vn
6. Tài liệu, sổ sách kế toán do công ty TNHH xây dựng thương mại Vương Thịnh cung cấp, lấy số liệu năm 2011.